



# DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BÓN THẤP

Low Carbon Agricultural Support Project  
(LCASP)



## THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC BÓN TRONG LĨNH VỰC KHÍ SINH HỌC



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

## LỜI NÓI ĐẦU

Thị trường mua bán phát thải khí nhà kính được khởi xướng từ năm 1989 nhưng chỉ thực sự hoạt động sau khi các nước ký Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) năm 1997 tại Nhật Bản. Theo nghị định thư Kyoto, các nước có tên trong Công ước cam kết sẽ cắt giảm 5% lượng phát thải khí nhà kính trong giai đoạn 2008-2012 so với năm 1990. Thực hiện cam kết này, nhiều nước đã xúc tiến hoặc đầu tư khoa học công nghệ để thay đổi quy trình sản xuất cũ thành quy trình sản xuất sạch hơn hoặc hỗ trợ các nước đang phát triển giảm phát thải khí nhà kính. Bên cạnh việc giảm phát thải trực tiếp thông qua đổi mới công nghệ, cơ chế giảm phát thải gián tiếp thông qua mua bán quyền phát thải khí nhà kính trên thị trường đã hình thành nhằm cung cấp nhiều lựa chọn linh hoạt hơn cho các quốc gia, tổ chức và cá nhân tham gia đóng góp vào sự nghiệp chống biến đổi khí hậu trên toàn thế giới.

Mặc dù, thị trường tín chỉ các bon đã hình thành ở Việt Nam từ năm 2003 và tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao dịch thành công vào năm 2013, những hiểu biết về thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học của các bên có liên quan còn hết sức hạn chế. Điều này dẫn đến thực trạng Việt Nam đã bỏ lỡ nhiều cơ hội đem lại nguồn thu ngoại tệ quan trọng cho đất nước trong lĩnh vực này.

Một trong những mục tiêu chính của Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp (LCASP) là tăng cường năng lực cho các bên có liên quan nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học của Việt Nam, giúp đem lại nguồn thu để tiếp tục đầu tư phát triển khí sinh học và góp phần thực hiện các cam kết quốc tế về chống biến đổi khí hậu. Thực tế từ trước đến nay chưa có tài liệu tập huấn nào hướng dẫn về các khái niệm và quy trình tham gia thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học một cách đầy đủ, do vậy, Dự án đã biên soạn cuốn sổ tay “Thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học” nhằm giúp các

bên có liên quan trong lĩnh vực này có thêm kiến thức và kỹ năng để thực hiện các dự án giảm phát thải trong lĩnh vực khí sinh học.

Nội dung cuốn sách được tham khảo, tổng hợp, trích dẫn từ các tài liệu kỹ thuật khác nhau trong lĩnh vực tín chỉ các bon đã được phát hành trong nước và trên thế giới. Tuy nhiên, do đây là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên chắc chắn cuốn sách này không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của độc giả để hoàn chỉnh cuốn sách trong lần tái bản tiếp theo.

Chúng tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các cán bộ của dự án LCASP, các bạn bè đồng nghiệp, chuyên gia tư vấn dự án, đã đóng góp ý kiến chuyên môn và tạo mọi điều kiện tốt nhất để hoàn thành cuốn sách này.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 4 năm 2016

Nguyễn Thế Hình

Giám đốc dự án LCASP

## MỤC LỤC

Lời nói đầu

Các từ viết tắt

**Chương 1: Thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học**

**1. Quá trình hình thành thị trường tín chỉ các bon**

**1.1. Trên thế giới**

**1.2. Tại Việt Nam**

**2. Thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học tại Việt Nam**

**Chương 2: Các cơ chế tạo tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học**

**1. Cơ chế phát triển sạch trong thị trường tín chỉ các bon bắt buộc**

**a. Lịch sử ra đời**

**b. Điều kiện và đối tượng tham gia CDM**

**2. Thị trường tín chỉ các bon tự nguyện và Tiêu chuẩn Vàng**

**2.1. Thị trường tín chỉ các bon tự nguyện**

## **2.2. Tiêu chuẩn Vàng**

- a. Sự ra đời của Tổ chức tiêu chuẩn vàng (GS)
- b. Đối tượng tham gia

### **Chương 3: Quy trình thực hiện dự án tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học tại Việt Nam**

#### **1. Đối với dự án theo CDM**

##### **1.1. Quy trình thực hiện**

###### **1.1.1 Thiết kế dự án**

- a) Ý tưởng dự án (PIN)
- b) Phương pháp giám sát dự án
- c) Văn kiện thiết kế dự án (PDD)
- d) Tham vấn các bên liên quan
- e) Thẩm định dự án
- f) Phê duyệt của cơ quan thẩm quyền quốc gia (DNA), nước chủ dự án CDM
- g) Phê duyệt đăng ký dự án

###### **1.1.2. Thực hiện dự án**

- a) Giám sát dự án
- b) Thẩm tra dự án

*c) Chứng nhận dự án*

*d) Giao dịch mua-bán (thương mại) tín chỉ các bon*

## **1.2. Tiêu chí đáp ứng**

### **1.3. Thời gian thực hiện**

## **2. Đối với dự án theo Tiêu chuẩn Vàng tự nguyện (GS VER)**

### **2.1 Quy trình thực hiện**

*a) Nhận dạng dự án*

*b) Mở tài khoản đăng ký theo GS*

*c) Tham vấn các bên liên quan ở địa phương*

*d) Soạn thảo văn kiện thiết kế dự án (PDD)*

*e) Tham vấn các bên liên quan ở địa phương lần thứ hai*

*f) Thẩm định dự án*

*g) Phê duyệt PDD đã được thẩm định*

*h) Thẩm tra dự án*

*i) Phê duyệt báo cáo thẩm tra và phát hành tín chỉ*

*j) Mua-bán tín chỉ VER*

### **2.2. Tiêu chí đáp ứng**

## 2.3. Thời gian thực hiện

### Chương 4: Phân tích hiệu quả kinh tế từ bán tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học

#### 1. Theo cơ chế CDM

##### 1.1. Phí cơ bản quy định bởi CDM

##### 1.2. Ví dụ minh họa tính toán lợi nhuận kinh tế

#### 2. Theo Tiêu chuẩn Vàng

##### 2.1. Các loại phí theo quy định của GS

##### 2.2. Ví dụ minh họa tính toán lợi nhuận kinh tế

### Phụ lục

#### Phụ lục 1: Chương trình hành động giảm thiểu khí nhà kính phù hợp với quốc gia (NAMA)

##### 1. NAMA và Cơ chế tạo tín chỉ các bon

##### 2. NAMA và lịch sử ra đời

##### 3. Phân loại NAMA

##### 4. Các tiêu chí xây dựng đề xuất NAMA

##### 5. Các bước xây dựng và thực hiện NAMA ở Việt Nam

#### Phụ lục 2: INDC

#### Phụ lục 3: Danh sách các dự án Khí sinh học từ chất thải chăn nuôi và nước thải tại Việt Nam đăng ký thành công giảm phát thải các bon tính đến hết tháng 12/2015

- Phụ lục 4:** Danh sách các dự án khí sinh học từ chất thải nhà máy tinh bột sắn tại Việt Nam đăng ký thành công giảm phát thải các bon tính đến hết tháng 12/2015
- Phụ lục 5:** Danh sách các dự án khí sinh học từ chất thải bãi rác tại Việt Nam đăng ký thành công giảm phát thải các bon tính đến hết tháng 12/2015
- Phụ lục 6:** Danh sách một số công ty tư vấn về tín chỉ các bon tại Việt Nam

### Tài liệu tham khảo

### Các từ viết tắt

Các cụm từ viết tắt trong tiếng Anh có liên quan đến nội dung của tài liệu này được mô tả trong bảng dưới đây:

Từ viết tắt	Nghĩa trong tiếng Anh	Nghĩa trong tiếng Việt
CDM	Clean Development Mechanism	Cơ chế phát triển sạch
CDM EB	CDM Executive Board	Ban chấp hành CDM Quốc tế
CER	Certified Emission Reduction	Chứng nhận giảm phát thải được công nhận
COP	Conference of the Parties	Hội nghị thượng đỉnh của các nước thành viên trong UNFCCC



<b>Từ viết tắt</b>	<b>Nghĩa trong tiếng Anh</b>	<b>Nghĩa trong tiếng Việt</b>
DNA	Designated National Authorities	Cơ quan thẩm quyền quốc gia về CDM
DOE	Designed Operational Entity	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định
GHG / KNK	Greenhouse gas	Khí nhà kính
GS TAC	Gold Standard Technical Advisory Committee	Hội đồng cố vấn kỹ thuật theo tiêu chuẩn vàng
IET	International Emission Trade	Cơ chế buôn bán quyền phát thải quốc tế
JI	Joint Implementation	Cơ chế đồng thực hiện
JCM	Joint Crediting Mechanism	Cơ chế tín chỉ chung
LSC	Local Stakeholder Consultation	Tham vấn các bên liên quan ở địa phương
MRV	Measurement, Reporting and Verification	Đo đạc, báo cáo và thẩm tra
NAMA	Nationally Appropriate Mitigation Action	Chương trình hành động giảm thiểu phù hợp quốc gia
NGO	None Government Organization	Tổ chức phi chính phủ

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Nghĩa trong tiếng Anh</b>	<b>Nghĩa trong tiếng Việt</b>
PDD	Project Design Document	Văn kiện thiết kế dự án
PIN	Project Idea Note	Tài liệu ý tưởng dự án
PMR	Partnership for Market Readiness	Chương trình sẵn sàng tham gia thị trường các bon
SFR	Stakeholder Feedback Round	Vòng phản hồi của các bên liên quan
UNFCCC	United Nation Framework Convention on Climate Change	Công ước khung của liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
VCS	Verified Carbon Standard	Tiêu chuẩn các bon được thẩm định
VCU	Verified Carbon Unit	Đơn vị các bon được thẩm định
VER	Verified Emission Reduction	Chứng chỉ giảm phát thải tự nguyện
VGS	Voluntary Gold Standard	Tiêu chuẩn vàng tự nguyện

# CHƯƠNG 1

## THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC BON TRONG LĨNH VỰC KHÍ SINH HỌC

### 1.1 Quá trình hình thành thị trường tín chỉ các bon

#### 1.1.1 Trên thế giới

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất của thế giới. Hiện tượng này có nguồn gốc từ việc phát thải quá mức khí nhà kính (KNK)<sup>1</sup> sinh ra từ các hoạt động kinh tế - xã hội của con người vào khí quyển. Nhằm ngăn chặn những hiểm họa do biến đổi khí hậu gây ra, tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hiệp quốc về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro (Brazil) tháng 6 năm 1992, 155 quốc gia trong đó có Việt Nam đã ký Công ước khung của Liên hiệp quốc về Biến đổi khí hậu. Đến tháng 12 năm 1997, để triển khai thực hiện Công ước, Nghị định thư Kyoto đã được ký kết. Theo đó, các nước phát triển và một vài nước có nền kinh tế đang chuyển đổi phải cam kết trong giai đoạn 2008-2012 (thời kỳ cam kết đầu tiên) trung bình mỗi năm giảm tổng phát thải xuống thấp hơn 5,2% so với mức phát thải năm 1999.

Sau khi Nghị định thư Kyoto được thông qua, Chính phủ các nước trên thế giới đã áp dụng nhiều giải pháp nhằm yêu cầu các tổ chức, công ty phải có trách nhiệm với hoạt động sản xuất gây ô nhiễm bầu khí quyển của trái đất. Một trong những giải pháp đầu tiên là thuế sinh thái hay còn gọi là thuế các bon (trong tiếng Anh là Ecotax). Thuế sinh thái được chính phủ đưa ra để đánh thuế lên các hoạt động khai thác và/hoặc gây ô nhiễm hệ sinh thái như sản xuất sử dụng năng lượng hóa thạch (tài nguyên không tái tạo được) hoặc sinh ra KNK, nhập khẩu các sản phẩm mà quá trình sản xuất gây ô nhiễm (tính vào thuế nhập khẩu). Đánh thuế có thể tạo động lực cho các cơ sở phát thải, nhà khoa học, kỹ thuật viên,... phát triển các công nghệ sạch hơn đồng thời tạo ra nguồn thu cho chính phủ.

---

<sup>1</sup> Theo quy định của UNFCCC, những khí nhà kính sau đây được liệt vào danh sách cần phải cắt giảm nồng độ hay mức phát thải: CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, hợp chất HFCs, hợp chất PFCs, và SF<sub>6</sub>

Tuy nhiên, quan điểm về thuế sinh thái lại vấp phải nhiều phản biện của các nhà hoạt động môi trường và chuyên gia kinh tế. Họ cho rằng: Các cơ sở công nghiệp có thể vận động hành lang để né thuế, và vì thế, việc phân phối tự do khối lượng phát thải cho phép có thể dẫn đến tham nhũng. Khối lượng phát thải cho phép nên được phân chia đồng đều cho các cơ sở phát thải, thay vì tập trung vào chính phủ. Ngoài ra, có nhiều ý kiến phê phán việc chính phủ đưa ra mức thuế không hợp lý hoặc lo ngại việc sử dụng tiền thuế thu được không đúng mục đích hoặc thiếu hiệu quả. Đặc biệt, thuần túy đánh thuế các bon áp đặt một mức thuế cố định đối với lượng các bon thải ra nhưng không giới hạn mức các bon được sản sinh, và vì vậy người ta chỉ có thể đưa ra những ước đoán về mục tiêu giảm lượng KNK, và số lượng khí thải giảm được có thể không đủ để ngăn chặn hiệu ứng nhà kính. Chính nhờ những phản biện sắc bén này mà thuế sinh thái chỉ được áp dụng trong thời gian ngắn ở một số nơi trên thế giới như bang British Columbia- Mỹ, Canada.

Từ đây, đề xuất về giải pháp thay thế việc đánh thuế các bon bằng mua bán phát thải, kéo theo đó là thị trường tín chỉ các bon đã ra đời. Mua bán phát thải hoạt động dựa trên việc đưa ra giới hạn tối đa về lượng phát thải KNK cho các cơ sở phát thải, đặt trách nhiệm và quyền lợi về khối lượng phát thải cho các cơ sở thay vì tập trung vào chính phủ. Đây là những điều mà thuế các bon không thể làm được. Với mua bán phát thải, một mức trần phát thải được đặt ra giúp cho các cơ sở kinh tế đưa ra được mục tiêu cụ thể về mức độ và thời gian cắt giảm KNK. Các biện pháp để đạt được mục tiêu này sẽ linh hoạt hơn (có thể đầu tư công nghệ xanh hoặc mua quyền phát thải) so với thuế các bon cứng nhắc. Ngoài ra, trên thị trường mua bán phát thải, KNK dưới dạng tín chỉ các bon<sup>2</sup> trở thành một loại hàng hóa được đem ra mua bán trên thị trường và do đó, giá cả sẽ do thị trường tự điều tiết. Điều này giúp tránh được các ý kiến phê phán việc mức bồi thường phát thải đưa ra không hợp lý, nguồn thu

---

<sup>2</sup> Tín chỉ các bon (carbon credit) là khái niệm chung cho tất cả các chứng nhận hoặc giấy phép phát thải KNK. Đối với bên bán, tín chỉ các bon là chứng nhận (quốc gia/tổ chức/cá nhân) đã thực hiện cắt giảm một lượng phát thải KNK xuống mức thấp hơn mức giới hạn mà họ được phép. Đối với bên mua, tín chỉ các bon là chứng nhận (quốc gia/tổ chức/cá nhân) đã chi trả để đền bù một lượng KNK tương ứng đã phát thải ra môi trường.

từ bồi thường phát thải được sử dụng không hiệu quả và đúng mục đích như trường hợp của thuần tuý thuế các bon do chính phủ điều hành.

Trên thực tế, ý tưởng mua bán các tác nhân gây ô nhiễm đã xuất hiện từ những năm 70, khi Mỹ quyết định mua sulphur dioxide (SO<sub>2</sub>) và nitrous oxide (NO<sub>x</sub>) để phòng ngừa mưa axit. Tuy nhiên, phải đến khi Nghị định thư Kyoto được ký kết, mở ra các cơ chế cụ thể như CDM, JI và IET, thị trường các bon mới thực sự hoạt động và phát triển mạnh mẽ.

Hiện nay, có hai dạng thị trường các bon: thị trường các bon bắt buộc (còn gọi là thị trường chính thống) và thị trường các bon tự nguyện.

*Thị trường các bon bắt buộc (Compliance Market):* là thị trường mà ở đó việc buôn bán tín chỉ các bon xuất phát từ cam kết của các quốc gia trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto của Công ước khung của Liên hợp quốc (UNFCCC) nhằm đạt được mục tiêu cắt giảm KNK. Thị trường này mang tính bắt buộc và chủ yếu dành cho các dự án trong cơ chế phát triển sạch - CDM hoặc đồng thực hiện - JI.

*Thị trường các bon tự nguyện (Voluntary Market):* là thị trường các bon ngoài khuôn khổ Nghị định thư Kyoto, thị trường này trên cơ sở hợp tác thỏa thuận song phương hoặc đa phương giữa các tổ chức, công ty hoặc quốc gia.

Tín chỉ các bon có thể được giao dịch mua bán trên cả hai thị trường này theo thời giá của thị trường. Tên của tín chỉ các bon được quy định bởi cơ quan cung cấp dịch vụ đăng ký, ví dụ tín chỉ các bon được tạo ra từ cơ chế CDM trong thị trường bắt buộc gọi là “chứng chỉ giảm phát thải được công nhận – CER”, trong khi tín chỉ được tạo ra theo Tiêu chuẩn Vàng tự nguyện gọi là “Chứng chỉ giảm phát thải tự nguyện – VER”, tín chỉ tạo ra theo Tiêu chuẩn Các bon tự nguyện (Voluntary Carbon Standard) gọi là Đơn vị các bon tự nguyện (Voluntary Carbon Units - VCU).

### 1.1.2. Tại Việt Nam

Là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, Việt Nam luôn nỗ lực giảm phát thải KNK và thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động tham gia vào những sáng kiến quốc tế nhằm giảm phát thải KNK, trong đó có thị trường tín chỉ các bon.

Việt Nam là 1 trong 155 quốc gia đầu tiên ký UNFCCC ngày 11 tháng 6 năm 1992 và phê chuẩn ngày 16 tháng 11 năm 1994. Đến năm 1998, khi UNFCCC đưa ra Nghị định thư Kyoto trong đó đề xuất các cơ chế cụ thể thúc đẩy mua bán tín chỉ các bon như CDM hay JI, Việt Nam cũng tham gia ký kết, sẵn sàng tham gia vào thị trường đầy tiềm năng này.

Bộ Tài Nguyên và Môi trường được Chính phủ giao là Cơ quan đầu mối quốc gia về tham gia và thực hiện UNFCCC cùng Nghị định thư Kyoto; đồng thời cũng là Cơ quan thẩm quyền quốc gia (DNA) về CDM của Việt Nam. Đến tháng 3 năm 2003, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) tiếp tục giao Vụ Hợp tác Quốc tế (Vụ HTQT) trực thuộc Bộ làm Cơ quan đầu mối trong nước về CDM. Cơ quan này giữ vai trò là Cơ quan thẩm quyền quốc gia (DNA) của Việt Nam về CDM. Chức năng và nhiệm vụ của DNA Việt Nam bao gồm:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá quốc gia, các quy định và hướng dẫn về CDM;
- Đánh giá các dự án giảm phát thải KNK theo cơ chế CDM (dự án CDM) ở cấp quốc gia;
- Trình các dự án CDM tiềm năng cho Ban Tư vấn – chỉ đạo về CDM để đánh giá
- Tiếp nhận, đánh giá, và trình Tài liệu ý tưởng dự án (PIN) hoặc Văn kiện thiết kế dự án (PDD) do các bên tham gia dự án xây dựng để Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tán thành hoặc phê duyệt;
- Cung cấp thông tin về CDM cho các nhà đầu tư, các tổ chức

và công ty (nhà nước hoặc tư nhân) có liên quan;

- Quản lý và điều phối các hoạt động và đầu tư CDM ở Việt Nam.

Việc thành lập DNA đã hoàn tất những yêu cầu cơ bản của UNFCCC để tham gia cơ chế CDM. Từ đây, các dự án giảm phát thải KNK tại Việt Nam có đủ điều kiện hợp lệ để được xây dựng theo cơ chế CDM.

Để thúc đẩy phát triển thị trường tín chỉ các bon nói chung và thị trường tín chỉ các bon theo cơ chế CDM nói riêng, về mặt quản lý nhà nước, bên cạnh DNA, Việt Nam cũng thành lập Ban Tư vấn Chỉ đạo về CDM (CNECB) vào tháng 4 năm 2003, do Vụ trưởng Vụ HTQT, Bộ TNMT làm Trưởng ban. CNECB gồm 12 đại diện của 9 bộ, ngành liên quan và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. CNECB có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tư vấn cho Bộ TNMT về chính sách có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động CDM trong nước;
- Tham mưu hướng dẫn chỉ đạo và đánh giá các dự án CDM ở Việt Nam.

Tháng 04 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 47/2007/QĐ-TTg Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto giai đoạn 2007-2010, trong đó đề cao mục tiêu huy động mọi nguồn lực thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường và đóng góp vào việc tổ chức thực hiện UNFCCC, Nghị định thư Kyoto và CDM, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước vào các dự án CDM, khuyến khích cải tiến công nghệ, tiếp nhận ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, kỹ thuật hiện đại.

Chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các doanh nghiệp tham gia dự án CDM được thể hiện rõ trong Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg, trong đó quy định các doanh nghiệp này sẽ được miễn, giảm

thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án, hàng hoá nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được; miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất và trong một số trường hợp, sản phẩm của dự án CDM sẽ được trợ giá.

Gần đây nhất, vào tháng 11/2012, Thủ tướng Chính phủ lại tiếp tục ra Quyết định số 1775/QĐ-TTg phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon ra thị trường thế giới. Liên quan đến hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon, Quyết định này nêu rõ quan điểm của Chính phủ trong việc tăng cường công tác quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon và hình thành thị trường các bon trong nước đồng thời tham gia vào thị trường các bon thế giới; với mục tiêu quản lý, giám sát hiệu quả các hoạt động mua bán, chuyển giao tín chỉ các bon được tạo ra từ các cơ chế trong và ngoài khuôn khổ Nghị định thư Kyoto ra thị trường thế giới. Ban hành kèm với Quyết định này là danh mục các nhiệm vụ, dự án chuyên môn cụ thể giao cho từng Bộ chủ trì thực hiện từ 2012 đến 2020.

Nhờ những nỗ lực không ngừng đó, Việt Nam đã bước đầu tham gia vào thị trường tín chỉ các bon bắt buộc với vai trò là bên bán. Thị trường tín chỉ các bon tại Việt Nam dần được hình thành khi các dự án CDM bắt đầu được triển khai từ năm 2003. Theo Danh sách dự án của Việt Nam đã được EB đăng ký là dự án CDM do Văn phòng thường trực ban chỉ đạo thực hiện UNFCCC, Bộ TNMT công bố trên website chính thức, dự án “Thu hồi và sử dụng khí đồng hành mỏ Rạng Đông” là dự án đầu tiên được EB công nhận đăng ký vào ngày 04/02/2006.

Bên cạnh thị trường tín chỉ các bon theo cơ chế CDM, rất nhiều dự án giảm phát thải KNK tiềm năng tại Việt Nam cũng chủ động tham gia vào thị trường tín chỉ các bon tự nguyện do sự phát triển mạnh mẽ của thị trường này bên cạnh thị trường bắt buộc.



Mặc dù đã có những dự án tại Việt Nam bán thành công tín chỉ các bon song thị trường buôn bán phát thải ở Việt Nam vẫn bị đánh giá đang ở tình trạng một chiều, theo đó các nước phát triển với tư cách là bên mua thường thông qua các công ty/ tổ chức cung cấp công nghệ, chủ động tìm đến những địa chỉ có tiềm năng cung cấp sản phẩm mà họ cần tại Việt Nam.

## 1. 2. Thị trường tín chỉ các bon trong lĩnh vực khí sinh học tại Việt Nam

Theo báo cáo của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo thực hiện UNFCCC- Bộ TNMT gửi UNFCCC quốc tế ngày 04/11/2015, tính đến tháng 6/2014, Việt Nam đã có 253 dự án Cơ chế phát triển sạch (CDM) được Ban chấp hành quốc tế về CDM (EB) công nhận. Trong tổng 253 dự án, các dự án về năng lượng chiếm 87,6%, xử lý chất thải chiếm 10,2%, trồng rừng và tái tạo rừng chiếm 0,4%, các loại khác chiếm 1,8%. Việt Nam xếp thứ tư trên thế giới về số lượng dự án, với tổng lượng KNK tiềm năng giảm khoảng 137,4 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương<sup>3</sup> (viết tắt là CO<sub>2</sub>e) trong thời kỳ tín dụng. Số chứng chỉ giảm phát thải được chứng nhận do EB cấp đến nay trên 12 triệu, đứng thứ 11 trên thế giới.

Trong các dự án CDM của Việt Nam được EB công nhận tính đến 2014, có 20 dự án thuộc lĩnh vực khí sinh học/mê tan (tùy tên của dự án) thông qua xử lý chất thải trong chế biến thực phẩm/cồn. Riêng về xử lý chất thải chăn nuôi, có 1 dự án đăng ký thành công theo CDM ngày 04/01/2012. Dự án này do Công ty CP Giải pháp Năng lượng tái tạo Việt Nam xây dựng trên cơ sở chăn nuôi quy mô lớn gồm 112.000 lợn thương phẩm và 14.000 lợn nái của Công ty San Miguel Pure Food Việt Nam. Theo tính toán, dự án này giảm được 91.224 tấn CO<sub>2</sub>e/năm. Đến thời điểm hiện nay số dự án sản xuất/thu hồi khí sinh học của Việt Nam được EB công nhận đã lên

---

<sup>3</sup> Để so sánh khả năng làm ấm nóng trái đất của các loại KNK, người ta so sánh với khả năng làm ấm nóng của khí CO<sub>2</sub> trong một khoảng thời gian nhất định. CO<sub>2</sub> tương đương là đơn vị đo lường dùng để so sánh mức phát thải của các loại khí khác nhau dựa trên mức độ làm ấm nóng trái đất của các loại khí này, từ đó tính được tổng lượng KNK của các loại KNK khác nhau.

đến 26 dự án.



a) Dự án thu hồi khí bãi rác ở t.p Hồ Chí Minh

b) Thu khí đồng hành ở mỏ Rạng Đông, BR-Vũng Tàu

### *Hình 1.1: Các dự án năng lượng tại Việt Nam đã được EB công nhận*

Mặc dù các hoạt động mua bán CDM tại Việt Nam nói chung và mua bán CDM trong lĩnh vực khí sinh học ở Việt Nam nói riêng có những bước đầu thuận lợi, tuy nhiên các hoạt động này từ năm 2013 có chiều hướng chững lại do sự suy giảm thị trường các bon quốc tế và CDM không còn hấp dẫn nhiều đối với các nhà đầu tư ngoài nước và các doanh nghiệp trong nước. Trong giai đoạn 2013-2014, chỉ có hai Tài liệu Thiết kế Dự án được gửi tới Cơ quan thẩm quyền trong nước về CDM (DNA) Việt Nam phê duyệt.

Trước tình hình đó, từ năm 2013, khi giá tín chỉ các bon theo thị trường bắt buộc có dấu hiệu giảm, các dự án trong nước nói chung và các dự án năng lượng trong nước nói riêng đã chuyển hướng từ phát triển dự án theo CDM sang phát triển dự án theo tín chỉ các bon trên thị trường tự nguyện, chủ yếu là theo Tiêu chuẩn các bon được thẩm tra VCS và Tiêu chuẩn vàng GS. Tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2014, Việt Nam có 4 dự án được đăng ký theo GS và 15 dự án theo VCS. Tín chỉ các bon được cấp qua các dự án VCS là 419.452. Đơn cử cho dự án năng lượng chuyển hướng thành công sang thị trường tự nguyện có trường hợp của 1 dự án giảm phát thải khí mê tan thông qua xử lý chất thải sinh hoạt bằng phương pháp

composting do ba đơn vị triển khai gồm Công ty CP Vietstar (Việt Nam), Công ty CP Tư vấn năng lượng và môi trường (Việt Nam), và Công ty South Pole carbon invest (Thụy Sĩ) tại khu chế xuất liên hợp ở xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Dự án có công suất xử lý 600 tấn chất thải rắn/ngày, đã được GS công nhận với số hộ chiếu GS là 2525. Dự án hoạt động từ tháng 12/2009 và dự kiến sẽ thu nhận được 1.814.928 tấn CO<sub>2</sub>e cho kỳ tín chỉ cố định trong 10 năm.

Về sản xuất khí sinh học từ chất thải chăn nuôi, đến nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã triển khai một số dự án trong đó có hợp phần khí sinh học như dự án Chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi Việt Nam-BP, dự án Nâng cao an toàn chất lượng sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học- QSEAP, dự án Cạnh tranh chăn nuôi và an toàn thực phẩm - LIFSAP, dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp- LCASP, nhưng chưa dự án nào đăng ký thành công cơ chế CDM hay Tiêu Chuẩn Vàng. Đến nay mới có dự án BP đăng ký thành công theo cơ chế Tiêu chuẩn Vàng Tự nguyện VGS vào tháng 2/2012.

BP bắt đầu hoạt động từ năm 2003 và đến nay đã xây dựng được trên 150.000 công trình ở 55 tỉnh/thành. Dự án được thực hiện bởi Cục Chăn nuôi- Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Tổ chức Phát triển Hà Lan- SNV. Việc bán các tín chỉ các bon (VER) theo Tiêu chuẩn vàng cho phép BP duy trì các hoạt động như đào tạo thợ xây dựng & bảo trì công trình khí sinh học, triển khai xây dựng thêm công trình khí sinh học mới cho các hộ dân chăn nuôi. Dự án đã hai lần được GS công nhận và phát hành VER: Lần đầu tiên vào ngày 26/02/2013 cho số lượng 510.952 tín chỉ tương đương với 510.952 tấn CO<sub>2</sub>e được giảm thải nhờ hoạt động của 89.000 công trình khí sinh học của dự án. Đến tháng 4/2015, GS lại công nhận và cho phép BP phát hành lần hai với 779.924 tín chỉ VER nhờ hoạt động của 106.000 công trình khí sinh học xây dựng từ năm 2007 đến tháng 6/2013. Dự kiến trong thời gian tới dự án sẽ tiếp tục được triển khai và hoàn thành việc công nhận giảm phát thải lần 3 do tổ chức GS phát hành trong năm 2016.



Kể từ khi phát hành tín chỉ các bon đến nay, BP đã thu được 1.313.000 Euro từ bán tín chỉ tự nguyện VER. Những khách hàng chính của BP phần lớn là các tập đoàn kinh tế đến từ các nước châu Âu, hay Bắc Mỹ như Thụy Sĩ, Anh, Pháp, Hà Lan, Canada, Mỹ.

## CHƯƠNG 2

### CÁC CƠ CHẾ TẠO TÍN CHỈ CÁC BON TRONG LĨNH VỰC KHÍ SINH HỌC

Để tiếp cận thị trường tín chỉ các bon, các dự án, chương trình cần phải tạo ra tín chỉ các bon thông qua một cơ chế thực hiện nào đó. Trong khuôn khổ giới hạn, tài liệu này chỉ giới thiệu một số cơ chế tạo ra tín chỉ các bon điển hình mà quốc tế công nhận và có liên quan thiết thực đến thị trường các bon trong lĩnh vực khí sinh học tại Việt Nam, đó là: Cơ chế phát triển sạch (CDM), cơ chế theo tiêu chuẩn vàng tự nguyện (VGS).

#### 2.1 Cơ chế phát triển sạch trong thị trường các bon bắt buộc

##### 2.1.1 Lịch sử ra đời

Từ những năm 80, 90 của thế kỷ hai mươi, những bằng chứng khoa học về sự biến đổi khí hậu toàn cầu liên tiếp được đưa ra thu

hút ngày càng nhiều sự quan tâm của công chúng. Một loạt các hội nghị quốc tế đã được tổ chức, đưa ra những lời kêu gọi khẩn cấp cho một bản hiệp ước chung về vấn đề này. Do đó, Công ước chung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đã được 155 nước thông qua vào tháng 06/1992. Mục tiêu của công ước là nhằm ổn định nồng độ KNK trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa được trước những tác động của con người. Công ước đã được cụ thể hoá bằng nghị định thư Kyoto (ký ngày 11/12/1997 và có hiệu lực từ 16/02/2005), với những quy định về tỉ lệ giảm phát thải đối với các quốc gia phát triển và các hình thức xử phạt nếu không tuân thủ.

Nghị định thư ràng buộc những quốc gia nêu tại Phụ lục I (của Nghị định thư) bằng mọi giá phải cắt giảm phát thải KNK xuống 5% so với mức phát thải tại thời điểm năm 1990. Đây thực sự là trách nhiệm nặng nề đối với những quốc gia công nghiệp hóa. Vì vậy, 3 cơ chế mềm dẻo đã được đưa ra nhằm giúp những nước này có thể đạt được mục tiêu, đồng thời mang lại sự phát triển bền vững cho những quốc gia đang phát triển. Đó là cơ chế đồng thực hiện (Joint Implementation-JI), cơ chế buôn bán quyền phát thải quốc tế (International Emission Trade -IET) và cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism-CDM). Các cơ chế này được thông qua trong hội nghị COP7, diễn ra từ ngày 29/10-8/11/2001 tại thành phố Marrakesh, Morocco và được các nước thành viên áp dụng trong chương trình cắt giảm phát thải KNK. Trong 3 cơ chế này, cơ chế JI và IET chỉ là sự giao dịch liên quan đến phát thải giữa các quốc gia phát triển với nhau, còn cơ chế CDM thực sự là một cơ hội cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam vừa tham gia vào hệ thống mua bán phát thải thế giới vừa tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

Cơ chế phát triển sạch là cơ chế hợp tác trong khuôn khổ Công ước Khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu được quy định tại Điều 12 của Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước. CDM cho phép chính phủ hoặc tổ chức, cá nhân ở các nước phát triển thực hiện dự án giảm phát thải ở các nước đang phát triển để nhận được “chứng chỉ giảm phát thải”, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải của quốc gia đó.

## 2.1.2 Điều kiện và đối tượng tham gia CDM

### Điều kiện tham gia:

Để có thể tham gia CDM, các dự án đến từ nước đang phát triển như Việt Nam phải thỏa mãn 3 điều kiện chung là:

- Việc tham gia vào các Dự án theo CDM là tự nguyện,
- Nước tham gia phải thành lập cơ quan quốc gia về CDM (Ở Việt Nam, cơ quan này là Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Bộ Tài nguyên môi trường.);
- Nước không thuộc Phụ lục 1 của Công ước khung về Biến đổi khí hậu UNFCCC có thể tham gia vào hoạt động của dự án theo CDM nếu đã phê chuẩn Nghị định thư Kyoto. Việt Nam nằm trong số này.

Như trình bày ở phần trên, Việt Nam đã thỏa mãn đủ 2 điều kiện bên dưới. Bởi vậy, các dự án giảm phát thải tại Việt Nam tham gia một cách tự nguyện hoàn toàn đủ tư cách để tham gia CDM.

### Đối tượng tham gia:

Tại Việt Nam, những dự án thuộc các ngành nghề, lĩnh vực được nêu trong bảng 2.1 có thể xây dựng, đầu tư dự án CDM. Theo danh mục này, các dự án khí sinh học hoàn toàn hợp lệ để trở thành dự án CDM.

**Bảng 2.1: Ngành nghề, lĩnh vực có thể xây dựng, đầu tư dự án CDM tại Việt Nam**

T	Tên lĩnh vực	T	Tên lĩnh vực
1	Sản xuất năng lượng	9	Xây dựng
2	Chuyển tải năng lượng	10	Giao thông

3	Tiêu thụ năng lượng	1 1	Khai mỏ hoặc khai khoáng
4	Nông nghiệp	1 2	Sản xuất kim loại
5	Xử lý chất thải	1 3	Phát thải từ nhiên liệu (nhiên liệu rắn, dầu và khí);
6	Trồng rừng và tái trồng rừng	1 4	Phát thải từ sản xuất và tiêu thụ Halocarbons và Sulphur hexafluoride
7	Công nghiệp hóa chất	1 5	Sử dụng dung môi
8	Công nghiệp chế tạo	1 6	Các lĩnh vực khác theo quy định của quốc tế và pháp luật Việt Nam

*Nguồn: Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26/07/2010 của Bộ Tài Nguyên & Môi Trường*

## 2.2 Thị trường các bon tự nguyện và Tiêu chuẩn Vàng

### 2.2.1. Thị trường các bon tự nguyện

Khi Kyoto Protocol (KP) đang trong giai đoạn thảo luận, một cơ chế không thuộc KP, một thị trường mua bán giám phát thải tự nguyện đã bắt đầu hoạt động sôi nổi và góp phần làm nóng thêm thị trường mua bán phát thải. Có thể nói sau khi nghị định thư Kyoto có hiệu lực (2005), cùng một lúc hai thị trường các bon đã được hình thành.

Thị trường các bon tự nguyện là thị trường ngoài khuôn khổ nghị định thư Kyoto và được thực hiện dựa trên hợp tác song phương hoặc đa phương giữa các bên tham gia dự án. Thị trường tự nguyện

hoạt động bên ngoài thị trường chính thống và cho phép các công ty, cá nhân trao đổi các bon trên cơ sở tự nguyện. Người mua trên thị trường này cũng rất đa dạng và chủ yếu là các tổ chức, công ty không bắt buộc về định mức giảm phát thải. So với dự án CDM trên thị trường bắt buộc, các dự án trên thị trường tự nguyện đòi hỏi khắt khe hơn về tính bền vững của dự án, nhưng lại có thể yêu cầu mức phí thực hiện dự án thấp hơn và chỉ cần một tổ chức tác nghiệp quốc tế chứng nhận thì VERs có thể giao dịch trên thị trường.

Tại thị trường tự nguyện, tồn tại một số chứng chỉ tiêu chuẩn các bon, như: Tiêu chuẩn Các bon được thẩm định (VCS), Mức giảm phát thải cộng đã thẩm tra (VER+), và Tiêu chuẩn vàng (GS). Giá cả và chất lượng của tín chỉ các bon phụ thuộc và thay đổi theo tiêu chuẩn. Nhìn chung, chứng chỉ các bon có chất lượng cao thì thu được giá cao hơn và Tiêu chuẩn Vàng được nhiều bên liên quan công nhận có tiêu chuẩn cao nhất. Trong khuôn khổ của tài liệu này, chúng tôi chỉ giới thiệu về Tiêu chuẩn Vàng – tiêu chuẩn mà dự án Khí sinh học cho ngành chăn nuôi Việt Nam đã thành công trong việc xin cấp chứng chỉ và từ đó bán được tín chỉ các bon.

## **2.2.2. Tiêu chuẩn Vàng**

### **a) Sự gia đời của tổ chức Tiêu chuẩn Vàng.**

GS (Gold Standard) được thành lập từ năm 2003 bởi Quỹ Động vật hoang dã (World Wide Fund-WWF) và các tổ chức quốc tế khác như là một chuẩn thực hành tốt nhất cho các dự án năng lượng phát triển theo Cơ chế phát triển sạch của Liên Hợp Quốc. Tiêu chuẩn vàng đã được thiết lập để đảm bảo rằng các dự án giảm phát thải là xác thực và phát triển bền vững. Tiêu chuẩn Vàng có thể được áp dụng cho cả dự án kiểu đền bù các bon tự nguyện (GS VER) và dự án theo CDM (GS CDM).

Hiện nay GS được công nhận bởi hơn 80 quốc gia và các tổ chức phi chính phủ (NGO) trên thế giới, với hơn 1.100 dự án được chứng nhận thành công tại 70 quốc gia. Tiêu chuẩn vàng đã trở thành chuẩn mực toàn cầu cho sự toàn vẹn cao nhất và ảnh hưởng lớn nhất trong các sáng kiến khí hậu và phát triển.

### **b) Đối tượng tham gia**



Những dự án năng lượng sau đây có thể tham gia thị trường các bon tự nguyện theo Tiêu chuẩn vàng.

- *Dự án về năng lượng tái tạo*

Bao gồm năng lượng gió, mặt trời, thủy điện, địa nhiệt và sinh khối.

- *Dự án sử dụng năng lượng hiệu quả*

Các dự án này thường được triển khai ở các nước phát triển. Tín chỉ các bon có chất lượng cao được tạo ra từ các dự án này dựa trên tác động của dự án làm thay đổi hành vi của người dân trong việc sử dụng năng lượng. Ví dụ người dân được khuyến khích sử dụng xe buýt thay vì đi ô tô riêng, tắt đèn khi không cần dùng. Kết quả thu được có bền vững và thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào cam kết của người dân.

- *Dự án quản lý chất thải:*

Đây là những dự án giúp các vùng dân cư, các đô thị quản lý một khối lượng lớn chất thải rắn, nguồn gốc gánh nặng cho cơ sở hạ tầng đô thị và môi trường địa phương. Những dự án này tạo ra giá trị từ chất thải, tăng cường sinh kế và nâng cao vị thế cộng đồng. Phạm vi áp dụng bao gồm tất cả các hoạt động xử lý chất thải nhằm tạo ra và cung cấp dịch vụ năng lượng hoặc một sản phẩm có thể sử dụng và có lợi ích phát triển bền vững (ví dụ tạo khí biogas, làm phân compost).

## CHƯƠNG 3

# QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN TÍN CHỈ CÁC BON TẠI VIỆT NAM

### 3.1. Đối với dự án theo CDM

#### 3.1.1 Quy trình thực hiện

Tóm tắt quy trình thực hiện một dự án CDM được mô tả trong bảng 3.1.

Bảng 3.1: Quy trình thực hiện một dự án CDM

Giai đoạn của dự án	Thứ tự	Hoạt động	Đơn vị thực hiện
Thiết kế dự án	1	<ul style="list-style-type: none"><li>● Xây dựng Văn kiện thiết kế dự án (PDD), bao gồm: Ý tưởng dự án (PIN), phương pháp và tham vấn các bên liên quan.</li><li>● Trình PDD cho DNA và cho DOE</li></ul>	Nhà xây dựng dự án
	2	Duyệt PDD	Cơ quan thẩm quyền quốc gia

			(DNA) về CDM
		Thẩm định PDD	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định thứ nhất (DOE1)
		Gửi thư phê duyệt PDD cho EB và chủ dự án	DNA
		Gửi báo cáo thẩm định PDD cho EB và chủ dự án	DOE1
	3	Phê duyệt PDD và gửi chứng nhận đăng ký thành công cho chủ dự án	Ban chấp hành CDM (EB)
Thực hiện dự án	4	Giám sát dự án và gửi báo cáo giám sát cho DOE2	Nhà xây dựng dự án
	5	Thẩm tra báo cáo giám sát dự án và gửi báo cáo thẩm tra cho EB	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định thứ hai (DOE2)
	6	Phê duyệt báo cáo thẩm tra và phát hành tín chỉ CER cho chủ dự án	EB
	7	Giao dịch mua- bán CER	Nhà xây dựng dự án và đơn vị mua CER

*Nguồn:* <http://cdm.unfccc.int>, Project cycle

Diễn giải cho các hoạt động khi thực hiện một dự án theo CDM được trình bày dưới đây.

### **a) Thiết kế dự án**

Giai đoạn thiết kế dự án bao gồm phát triển ý tưởng dự án, lựa chọn hoặc phát triển đường cơ sở, các phương pháp luận giám sát, và tham vấn các bên liên quan. Tất cả những yếu tố này được tổng hợp trong Tài liệu thiết kế dự án (PDD), trình cho DNA và DOE để được phê duyệt và thẩm định, từ đó mới được Ban chấp hành CDM (EB) chứng nhận đăng ký thành công.

#### *Ý tưởng dự án (PIN)*

Trong giai đoạn đầu lên kế hoạch, nhà phát triển dự án phải đánh giá tính khả thi của hoạt động dự án mình thông qua Ý tưởng dự án (PIN). PIN trong quy trình dự án không phải là một yêu cầu bắt buộc từ phía CDM nhưng cần thiết để đánh giá tính khả thi về tài chính, kỹ thuật, nguồn lực; mức độ phù hợp với CDM; từ đó cân nhắc có cấp nguồn lực cho ý tưởng dự án này không. Trong một số trường hợp, những bên liên quan hoặc cơ quan thẩm quyền quốc gia sẽ yêu cầu PIN. Trong trường hợp của Việt Nam, PIN là một tài liệu bắt buộc phải nộp.

#### *Phương pháp giám sát dự án*

Dự án phải tự xây dựng cho mình một phương pháp trong đó bao gồm các định nghĩa, quy tắc nhằm: *i)* Thiết lập đường cơ sở dự án và xác định tính bổ sung của dự án; *ii)* Tính toán lượng giảm phát thải và giám sát các thông số của dự án. Mức chênh lệch giữa đường cơ sở và lượng phát thải của dự án chính là lượng giảm phát thải thực tế.

Các phương pháp giám sát của một dự án đã được chấp thuận có thể dùng như một công thức chung. Các dự án sau đó có cùng nội dung có thể áp dụng. Trong một số trường hợp, nếu không có sẵn phương pháp được chấp thuận cho một loại dự án cụ thể, nhà phát triển dự án có thể nộp một phương pháp mới đến cơ quan tiêu chuẩn (ví dụ CDM, Gold Standard, VCS) để nhận phê duyệt.

### *Văn kiện thiết kế dự án (PDD)*

PDD là tài liệu mô tả các hoạt động cụ thể của dự án, tạo cơ sở cho tất cả các kế hoạch tương lai và các thủ tục hành chính. PDD mô tả công nghệ được chọn và giải thích phương pháp được sử dụng để xác định đường cơ sở, xác định tính bổ sung và tính toán lượng giảm phát thải. PDD cũng chứa các thông tin giám sát của tất cả các thông số kỹ thuật có liên quan, đồng thời thiết lập quy trình giám sát, các phép đo được thực hiện, kiểm soát chất lượng, lưu trữ và truy cập hồ sơ. PDD cũng ước tính lượng giảm phát thải đạt được của dự án. Cuối cùng, PDD sẽ mô tả dự án góp phần cho phát triển bền vững như thế nào.

### *Tham vấn các bên liên quan*

Một dự án theo CDM sẽ được yêu cầu phải cung cấp bằng chứng cho thấy các hoạt động của dự án không ảnh hưởng tiêu cực đến người dân địa phương và các bên liên quan khác. Hoạt động tham vấn nhằm đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan đã được trao cơ hội để bình luận về dự án CDM. Chủ dự án/nhà phát triển dự án phải thông báo cho họ về dự án qua các hình thức truyền thông thích hợp. Nhà xây dựng dự án phải trả lời tất cả các ý kiến của các bên liên quan, và mô tả quá trình hành động để giảm thiểu tác động tiêu cực (nếu có). Kết quả của các cuộc tham vấn các bên liên quan phải được nêu trong văn kiện thiết kế dự án.

### *Thẩm định dự án*

Theo CDM, sau khi nhà xây dựng dự án đã viết PDD, đơn vị kiểm toán độc lập do UNFCCC chỉ định sẽ thực hiện việc thẩm định dự án. Đơn vị kiểm toán hay còn gọi là Đơn vị tác nghiệp độc lập (DOE) sẽ thẩm định một dự án CDM thông thường qua bốn giai đoạn:

- Đánh giá PDD tại bàn;
- Khảo sát thực địa và phỏng vấn các bên liên quan của dự án,
- Nhận góp ý công khai cho PDD trong thời gian 30 ngày kể từ khi PDD được niêm yết trên internet;
- Phân tích độ phân tán của các vấn đề nổi bật,

- Viết và phát hành báo cáo thẩm định cuối cùng.

Sau khi hoàn thành các giai đoạn trên, báo cáo thẩm định và PDD sẽ được đệ trình cho Ban điều hành CDM để xem xét và phê duyệt đăng ký.

So sánh với yêu cầu của dự án theo tiêu chuẩn tự nguyện, hoạt động này không phải lúc nào cũng bắt buộc và đôi khi việc thẩm định và thẩm tra được kết hợp làm một.

### *Phê duyệt của cơ quan thẩm quyền quốc gia (DNA), nước chủ dự án CDM*

PDD không chỉ cần thẩm định từ phía DOE mà còn cần phê duyệt từ phía cơ quan thẩm quyền quốc gia. Ban chấp hành CDM (EB) sẽ không nhận một dự án CDM nếu thiếu sự chấp thuận của nước chủ nhà dự án. Các tài liệu dự án phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan để kiểm tra các hoạt động dự án có phù hợp với định quốc gia và xác nhận sự tuân thủ của dự án với các tiêu chí bền vững của nước chủ nhà. Quá trình sàng lọc và yêu cầu của nước chủ nhà là khác nhau ở mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường đã ra Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24/3/2014 Quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto (thay thế Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26/7/2010 và Thông tư số 15/2011/TT-BTNMT ngày 28/4/2011).

### *Phê duyệt đăng ký dự án*

Quyết định của EB về phê duyệt đăng ký của một dự án dựa trên việc đánh giá PDD, đánh giá báo cáo thẩm định và phản hồi của công chúng. Khi EB phê duyệt một dự án, dự án đó được chính thức đăng ký là dự án CDM.

## **b) Thực hiện dự án**

Thực hiện dự án có thể được bắt đầu bất cứ lúc nào trong chu kỳ dự án. Tuy nhiên, nếu dự án được thực hiện trước khi đăng ký lên EB, nhà xây dựng dự án phải cung cấp chứng cứ tài liệu chứng minh rằng dự án có cần nhắc đến nguồn thu từ CDM ngay tại thời điểm lập kế hoạch dự án. Các bằng chứng phải được cung cấp tại thời

điểm đăng ký CDM. Nếu chứng từ không được cung cấp, thì dự án có khả năng bị từ chối với lý do không phải là dự án có tính bổ sung.

### *Giám sát dự án*

Nhà xây dựng dự án được yêu cầu phải lưu giữ các chứng cứ số sách đo đặc lượng giảm phát thải đạt được trong thời gian thực hiện dự án. Những dữ liệu này được nêu trong một báo cáo giám sát và phải phù hợp với các thông số và các quy trình đặt ra trong PDD ban đầu đã được thẩm định bởi DOE và đăng ký lên EB. Lượng giảm phát thải được ban hành dựa trên các báo cáo giám sát. Do đó, nhà xây dựng dự án sẽ phải lựa chọn đánh đổi giữa thu nhập liên tục có từ CER (khi tiến hành giám sát ngắn nhiều lần) với chi phí hành chính thấp hơn (khi tiến hành giám sát trong khoảng thời gian dài). Không có quy định nào yêu cầu độ dài ngắn của thời gian giám sát. Khoảng thời gian này có thể dao động từ vài tuần đến vài năm.

### *Thẩm tra dự án*

Đây là bước mà DOE thực hiện sau khi nhà xây dựng dự án hoàn thành việc giám sát dự án để đánh giá và công nhận hoạt động giám sát đó. Để giảm thiểu xung đột lợi ích trong khuôn khổ CDM, DOE đã tiến hành thẩm định dự án trước đó không thể được thẩm tra dự án. Một DOE khác (DOE thứ hai) sẽ được lựa chọn cho nhiệm vụ này. Nhà xây dựng dự án nộp báo cáo giám sát cho DOE thứ hai cùng với các chứng từ có liên quan. DOE này xem xét tại bàn báo cáo giám sát để đảm bảo rằng việc giám sát đã được thực hiện theo các quy trình quy định trong PDD gốc. DOE cũng có thể thực hiện một chuyến kiểm tra hiện trường nếu cần thiết. Sau khi xem xét tại bàn và kiểm tra thực địa, DOE dự thảo một báo cáo thẩm tra trong đó có nêu các vấn đề được phát hiện trong quá trình thẩm tra. Sau khi nhà xây dựng dự án giải quyết thỏa đáng những vấn đề này, DOE soạn thảo báo cáo thẩm tra và chứng nhận cuối cùng, trong đó cũng chỉ rõ lượng giảm phát thải thực tế đạt được của dự án. Việc thẩm tra được thực hiện tại các khoảng thời gian xen kẽ được lựa chọn tự do bởi nhà xây dựng dự án hoặc chủ dự án. Thẩm tra có thể được tiến hành trên bất kỳ khoảng thời gian thuận tiện nào, do nhà phát triển dự án/chủ dự án lựa chọn, thường là dựa trên việc cân nhắc giữa tiết

kiệm chi phí (khoảng thời gian dài) và nguồn thu thường xuyên từ CER (khoảng thời gian ngắn).

### *Chứng nhận dự án*

Đây là bước trong đó các báo cáo thẩm tra được trình lên EB phê duyệt và cấp CER. Các CER được ban hành sau đó được chuyển vào tài khoản CDM đăng ký của người tham gia dự án tương ứng sau khi một khoản lệ phí bắt buộc đã được nộp về Ban thư ký UNFCCC.

### *Giao dịch mua bán (thương mại) tín chỉ các bon*

Ở giai đoạn thương mại tín chỉ, nhà xây dựng dự án bán các tín chỉ các bon cho người mua. Các tín chỉ các bon có thể được bán trực tiếp cho một công ty để công ty này sử dụng phục vụ cho trách nhiệm giảm phát thải pháp lý có ràng buộc hoặc tự nguyện của công ty; hoặc có thể được bán cho một công ty thương mại – bên xúc tiến giao dịch giữa người bán và người sử dụng tín chỉ cuối cùng. Một hợp đồng để bán tín chỉ các bon từ một dự án có thể được ký kết tại bất kỳ giai đoạn nào trong chu kỳ phát triển dự án. Tùy thuộc mức độ chấp nhận rủi ro của nhà phát triển dự án, một số sẽ ký sớm vào giai đoạn lập kế hoạch, có giá và các điều khoản cố định, và không bị tác động từ các rủi ro của biến động giá cả; trong khi những nhà phát triển dự án khác sẽ đợi cho đến khi các tín chỉ được tạo ra, tín chỉ được chứng nhận và ban hành trước khi bán. Các nhà phát triển dự án thường chỉ được thanh toán sau khi hàng đã được giao. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, nhà phát triển dự án có thể nhận được một khoản thanh toán trước. Điều này thường được thực hiện nếu nhà phát triển dự án muốn bù đắp một khoản đầu tư bị thiếu hụt hoặc đáp ứng các yêu cầu về lưu chuyển tiền tệ trong quá trình thực hiện dự án.

### **3.1.2 Tiêu chí đáp ứng**

Các tiêu chí để một dự án được công nhận và vận hành theo cơ chế CDM gồm:

- a. Giảm phát thải KNK;
- b. Phù hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước, ngành, địa phương và góp phần bảo vệ môi



trường bền vững;

c. Bảo đảm tính khả thi cao với công nghệ mới và tài chính phù hợp;

d. Có kết quả thực, có thể đo đếm được và lâu dài nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu;

e. Được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp của Việt Nam) thông qua, phê chuẩn;

f. Được Ban chấp hành CDM phê duyệt và đăng ký;

g. Không sử dụng kinh phí từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA để thu được các “Chứng nhận giảm phát thải” chuyển cho bên đầu tư dự án CDM từ nước ngoài.

### 3.1.3. Thời gian thực hiện

Thực hiện dự án CDM cần phải tiến hành qua các công đoạn khác nhau, mỗi công đoạn có những yêu cầu riêng về nội dung và thời gian để hoàn thành. Thời lượng để hoàn tất một công đoạn phụ thuộc vào từng dự án (như quy mô, độ phức tạp), phụ thuộc vào yêu cầu của tổ chức đầu tư và cách giải quyết của quốc gia chủ nhiệm dự án.

Nhìn chung, một dự án CDM cần được tiến hành theo 6 bước với khoảng thời gian cần thiết tương ứng như Bảng 3.2

**Bảng 3.2: Các công đoạn thực hiện một dự án CDM và thời gian yêu cầu ước tính cho từng công đoạn**

TT	Công việc	Thời gian yêu cầu (tháng)
1	Hoàn thành Văn kiện thiết kế dự án (PDD)	6
2	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định (DOE) thẩm	9 - 24

	định dự án	
3	Ban Chấp hành CDM chấp nhận đăng ký dự án	3
4	Giám sát của các Bên tham gia dự án	2
5	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định kiểm tra và chứng nhận	3
6	Ban Chấp hành CDM phát hành Lượng giảm phát thải được chứng nhận (CER).	1

## 3.2. Đối với dự án theo Tiêu chuẩn Vàng tự nguyện (GS VER)

### 3.2.1 Quy trình thực hiện

Một dự án triển khai theo GS VER cũng tuân thủ theo các bước như của dự án thông thường trong thị trường Tự nguyện nhưng có thêm một số yêu cầu bổ sung. Tóm tắt quy trình thực hiện một dự án theo GS VER được mô tả trong Bảng 3.3

**Bảng 3.3: Quy trình thực hiện một dự án theo Tiêu chuẩn Vàng tự nguyện**

Giai đoạn của dự án	TT	Hoạt động	Đơn vị thực hiện
Định dạng dự án	1	Nhận dạng tính thích hợp của dự án với GS	Nhà xây dựng dự án
	2	Mở một tài khoản đăng ký theo GS	Nhà xây dựng dự án
Đánh giá tính khả	3	Tham vấn các bên liên quan ở địa phương (LSC)	Nhà xây dựng dự án

thi của dự án và triển khai dự án	4	Soạn thảo Văn kiện thiết kế dự án (PDD)	Nhà xây dựng dự án
	5	Tham vấn các bên liên quan ở địa phương lần thứ hai và triển khai dự án (bao gồm cả nộp PDD cho DOE)	Nhà xây dựng dự án
	6	Xem xét và thẩm định dự án, bao gồm cả nộp báo cáo thẩm định	DOE
Triển khai và vận hành dự án	7	Xem xét, phê duyệt PDD đã được thẩm định	Hội đồng cố vấn kỹ thuật theo tiêu chuẩn vàng (GS TAC)
	8	Thẩm tra dự án, bao gồm cả nộp báo cáo thẩm tra dự án cho GS	DOE
	9	Phê duyệt báo cáo thẩm tra và phát hành tín chỉ	Ban thư ký GS, GS TAC
	10	Giao dịch mua- bán VER	Nhà xây dựng dự án và đơn vị mua VER

Nguồn: The Gold Standard, *Registry Operation Guidelines*, cập nhật ngày 11/09/2015

Diễn giải cho các hoạt động khi thực hiện một dự án theo GS VER được trình bày dưới đây.

#### *a) Nhận dạng dự án*

Đây là bước đầu tiên mà nhà xây dựng dự án phải thực hiện nhằm xác định dự án các bon đang xây dựng có đáp ứng đúng điều kiện tiên quyết theo GS vì GS chỉ áp dụng cho các dự án sau đây:

① Dự án thuộc lĩnh vực năng lượng gồm năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm, quản lý chất thải.

② Dự án sử dụng đất và rừng bao gồm trồng rừng mới và tái trồng rừng (Theo The Gold Standard principle, phát hành ngày 27/05/2013).

### *b) Mở tài khoản đăng ký theo GS*

Sau khi định dạng đúng dự án định triển khai, nhà xây dựng dự án tự mở một tài khoản trong hệ thống đăng ký của GS. Đây là hệ thống đăng ký bằng phần mềm trực tuyến (web based) nên người dùng chỉ cần truy cập vào trang: <http://www.goldstandard.org/our-work/our-project-registry> để làm thủ tục.

Việc mở thành công một tài khoản đăng ký GS đồng nghĩa với việc bạn đã có một hộ chiếu tiêu chuẩn vàng (GS passport) để làm các thủ tục hay các giao dịch liên quan đến phát triển dự án sau này.

### *c) Tham vấn các bên liên quan ở địa phương*

Việc điền thông tin trong Hộ chiếu Tiêu chuẩn Vàng là hoàn thiện tài liệu trong đó trình bày tất cả các thông tin cần thiết trên các mẫu đã được quy định bởi GS. Tài liệu này nêu tóm tắt, phác họa về dự án và được gửi kèm tới các bên liên quan địa phương để đóng góp ý kiến.

Nội dung tham vấn là đánh giá tác động môi trường và xã hội của dự án đối với các bên liên quan bao gồm các tổ chức phi chính phủ, nhà hoạch định chính sách, và người dân địa phương. Các buổi tham vấn diễn ra trong hai vòng. Vòng đầu tiên là một cuộc họp mặt trực tiếp để giới thiệu và giải thích dự án cho cộng đồng địa phương và thu thập thông tin phản hồi, ý kiến và quan tâm. Đối với những người không thể tham dự các cuộc họp trực tiếp, phản hồi của họ cũng có thể được gửi trực tuyến. Vòng thứ hai được tiến hành tiếp sau lần tham vấn đầu tiên. Vòng này không cần phải là một cuộc họp trực diện nếu tất cả mọi người có thể truy cập và đọc tài liệu, thông tin của dự án.

Sau khi hoàn thành hai vòng tham vấn (LSC), nhà xây dựng dự án lập báo cáo kết quả tham vấn theo mẫu có sẵn của GS và nộp tới GS thông qua cửa đăng ký. Khi Ban Thư ký GS thấy rằng báo cáo có thể

chấp nhận được, dự án sẽ được công bố công khai trong mục “Các dự án đăng ký” và được liệt kê trong danh sách có tên “Những ứng viên GS”.

#### *d) Soạn thảo văn kiện thiết kế dự án (PDD)*

PDD là tài liệu cung cấp thông tin tập trung vào các phương pháp thiết kế đường cơ sở và phương pháp giám sát được lựa chọn để tính toán lượng giảm phát thải. PDD là công cụ chính về giảm phát thải để nước chủ nhà (nếu có yêu cầu) phê duyệt trong quá trình thẩm định và đăng ký. Song song với soạn thảo PDD, trong giai đoạn này, nhà xây dựng dự án cũng phải chỉnh sửa Hộ chiếu Tiêu chuẩn Vàng dựa theo những góp ý và phản hồi nhận được từ LSC.

#### *e) Tham vấn các bên liên quan ở địa phương lần thứ hai*

Lần tham vấn này còn được gọi là “Vòng phản hồi của các bên liên quan (SFR)”. Đây là bước mà các bên liên quan đóng góp cho dự án sau khi các góp ý trong LSC ở lần trước đã được đưa vào tài liệu của dự án. Trong quá trình diễn ra SFR, các tài liệu như báo cáo LSC, PDD và Hộ chiếu GS phải được công bố công khai để lấy ý kiến trong thời hạn 60 ngày.

Khi dự án đã tới được bước này thì các hoạt động của dự án có thể được triển khai theo nội dung và phương pháp nêu trong PDD.

#### *f) Thẩm định dự án*

Nhà xây dựng dự án phải liên hệ với một đơn vị kiểm toán/đơn vị tác nghiệp độc lập (DOE) được UNFCCC công nhận để xem xét và thẩm định các hoạt động của dự án. Việc thẩm định có thể bắt đầu song song với SFR, miễn là tất cả ý kiến của các SFR được tích hợp vào tài liệu chính thức cuối cùng của dự án được thẩm định và SFR kết thúc trước khi hoàn thành thẩm định.

#### *g) Phê duyệt PDD đã được thẩm định*

Sau khi thẩm định dự án, các tài liệu gồm PDD đã được phê duyệt, hộ chiếu GS, các tài liệu dự án khác có liên quan cùng với báo cáo thẩm định phải được tải lên trang web của GS thông qua cửa đăng ký. Ban Thư ký GS, GS TAC, và các GS NGO sau đó sẽ tiến

hành xem xét tài liệu cuối cùng trước khi dự án thay đổi từ “Ứng viên GS” thành “Đã đăng ký”.

#### *h) Thẩm tra dự án*

DOE thẩm tra báo cáo giảm phát thải của dự án và các hoạt động giám sát sự phát triển bền vững. Khác với cơ chế dự án theo CDM, bước thẩm định và thẩm tra dự án có thể được thực hiện bởi một DOE trong chu kỳ giám sát đầu tiên. Sau thời gian thẩm tra, DOE phải hoàn tất một báo cáo thẩm tra, và báo cáo này chỉ rõ số lượng phát thải thực tế mà dự án làm được.

#### *i) Phê duyệt báo cáo thẩm tra và phát hành tín chỉ*

Sau khi thẩm tra dự án, PDD đã được thẩm tra, hộ chiếu GS, các tài liệu dự án khác có liên quan cùng với báo cáo thẩm tra phải được tải lên trang web của GS thông qua cửa Đăng ký. Ban Thư ký GS, GS TAC, và các GS NGO sau đó tiến hành xem xét tài liệu cuối cùng trước khi công nhận số tín chỉ mà dự án có thể phát hành.

#### *j) Mua-bán tín chỉ VER*

Việc mua bán tín chỉ VER cũng tương tự với tín chỉ CER (xem mục 1.1.2, điểm d).

### **3.2.2 Tiêu chí đáp ứng**

Yêu cầu chung đối với các dự án được công nhận giảm phát thải theo Tiêu chuẩn Vàng tự nguyện như sau:

- a) Là dự án trong lĩnh vực năng lượng như năng lượng tái tạo sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm, hoặc xử lý chất thải.
- b) Đóng góp tích cực cho kinh tế, môi trường và phúc lợi xã hội của cư dân địa phương nơi có dự án.
- c) Không sử dụng hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong điều kiện các tín chỉ của dự án được chuyển giao cho các quốc gia tài trợ.
- d) Không được áp dụng cho các chứng nhận khác, để đảm bảo không tính trùng tín dụng.

### **3.2.3 Thời gian thực hiện**

Tương tự như dự án CDM, thực hiện dự án theo GS cũng phải tiến hành qua các công đoạn khác nhau. Thời lượng để hoàn tất một công đoạn phụ thuộc vào từng dự án (như quy mô, độ phức tạp), phụ thuộc vào cách giải quyết của đơn vị chủ nhiệm dự án. Các công đoạn chính và thời gian yêu ước tính cho từng công đoạn của một dự án theo GS được trình bày trong Bảng 3.4.

**Bảng 3.4: Các công đoạn thực hiện một dự án GS và thời gian yêu cầu ước tính cho từng công đoạn**

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>Thời gian yêu cầu (tháng)</b>
1	Hoàn thành Văn kiện thiết kế dự án (PDD) bao gồm cả ý kiến tham vấn của các bên liên quan	3
2	Giao nộp PDD hoàn chỉnh	1
3	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định kiểm tra và báo cáo	6
4	Giám sát của các Bên tham gia dự án và báo cáo (thực hiện hàng năm)	6
5	Nộp báo cáo giám sát và đăng ký	2
6	Tổ chức tác nghiệp được chỉ định thẩm tra và chứng nhận	2
7	Ban thư ký GS phát hành Lượng giảm phát thải được chứng nhận (CER hoặc VER).	1

## CHƯƠNG 4

### PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ TỪ BÁN TÍN CHỈ CÁC BON TRONG LĨNH VỰC KHÍ SINH HỌC

Lợi ích kinh tế từ bán tín chỉ các bon nói chung và trong lĩnh vực khí sinh học nói riêng là khoản chênh lệch giữa nguồn thu từ bán tín chỉ các bon với các khoản chi phí bao gồm:

- Phí thuê tư vấn để xây dựng dự án;
- Chi phí trực tiếp cho hoạt động dự án;
- Chi phí cho tham vấn cộng đồng
- Chi phí liên quan thẩm định;
- Chi phí liên quan đến thẩm tra;
- Phí đăng ký (quy định bởi các cơ quan tiêu chuẩn);
- Phí ban hành tín chỉ
- Phí cho công ty môi giới (nếu có).

Để trả lời câu hỏi lợi ích kinh tế là cả một bài toán lớn cần nhiều công sức và nguồn lực và cần dựa trên một dự án cụ thể. Trong khuôn khổ của tài liệu này, chúng tôi chỉ giới hạn nêu các khoản phí liên quan đến thủ tục hành chính như phí đăng ký, phí phát hành do



cơ quan tiêu chuẩn đặt ra với các dự án khi nó được xây dựng theo cơ chế, tiêu chuẩn nào; từ đó tính toán lợi nhuận thu được từ bán tín chỉ các bon trong một giả thuyết dự án nhất định.

## 4.1. Theo cơ chế CDM

### 4.1.1. Phí cơ bản quy định bởi CDM:

#### a) *Phí đăng ký*

Các bên tham gia dự án phải trả một lệ phí đăng ký nhằm trang trải các chi phí hành chính liên quan đến đăng ký dự án của họ gọi là phí đăng ký. Việc tính lệ phí đăng ký được dựa trên số liệu đã được thẩm định bởi một DOE (ví dụ: ước tính lượng giảm phát thải hàng năm trên cơ sở của PDD). Lệ phí đăng ký thường được trả bởi các bên tham gia dự án thông qua DOE vào thời điểm làm đăng ký (chỉ trả một lần).

#### b) *Chia sẻ số tiền thu được (SOP)*

Phần chia sẻ số tiền thu được trả bởi các bên tham gia dự án được tính toán như với lệ phí đăng ký, nhưng được tính trên số liệu đã được thẩm tra của DOE thứ hai (ví dụ: lượng giảm phát thải thực tế có được thông qua kết quả giám sát dự án trong một giai đoạn).

Phí đăng ký phải được khấu trừ khi thanh toán SOP. Trên thực tế, lệ phí đăng ký chính là một loại tiền ứng trước phí hành chính SOP cho lượng giảm phát thải đạt được trong năm đầu. Điều này có nghĩa: SOP cho năm đầu tiên được khấu trừ một khoản bằng lệ phí đăng ký trước đó đã nộp. Nếu lệ phí đăng ký đã nộp trước đó lớn hơn SOP, thì nhà phát triển dự án sẽ không chỉ được bù đắp/ khấu trừ khoản phí đăng ký này trong lần thanh toán SOP đầu tiên mà vẫn có thể tiếp tục khấu trừ trong lần thanh toán SOP của vòng giám sát thứ hai, và cứ như vậy cho đến khi bù đắp hết phí đăng ký.

#### c) *Quy định về phí đăng ký/ SOP*

Quy định về phí đăng ký và SOP được tính như sau:

- Mức 0,1 USD/tín chỉ được chứng nhận cho lần phát hành 15.000 tấn CO<sub>2</sub> tương đương đầu tiên mà việc phát hành được yêu cầu trong một năm nhất định.

- Mức 0,2 USD/tín chỉ được chứng nhận cấp cho bất kỳ số lượng nào vượt quá 15.000 tấn CO<sub>2</sub> tương đương mà phát hành được yêu cầu trong một năm nhất định.
- Không thu phí SOP cho các hoạt động dự án được tổ chức ở nước chậm phát triển. Việc áp dụng miễn trừ này được căn cứ vào tình trạng của đất nước từ ngày công bố bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận giảm phát thải.
- Lệ phí đăng ký tối đa phải trả là 350.000 USD;
- Không thu lệ phí đăng ký đối với dự án có dự kiến giảm phát thải trung bình hàng năm trong giai đoạn tạo tín chỉ dưới 15.000 tấn CO<sub>2</sub> tương đương.
- Nếu một hoạt động không được đăng ký thì bất kỳ phí đăng ký nào trên 30.000 USD sẽ được hoàn trả.

#### d) *Phí phát hành*

Phí phát hành dùng để trang trải các chi phí của việc phát hành chứng chỉ giảm phát thải (CERs) được tạo ra bởi các hoạt động của dự án. Mức phí phát hành là 2% số tiền tín chỉ được công nhận mỗi lần.

### 1.2. Ví dụ minh họa tính toán lợi nhuận kinh tế

Ví dụ: Một dự án thu hồi khí bãi rác từ bãi chôn lấp rác thải của thành phố Hồ Chí Minh có quy mô 1200 tấn rác/ngày, lượng rác thu nhận bình quân là 600 tấn ngày và lượng rác 1 năm là 2.100 tấn. Giá chi phí vận hành là 5 USD/tấn rác. Dự án có lượng tín chỉ tiềm năng là 1.100.000 CERs cho kỳ tín chỉ là 7 năm (2008-2014).

*Nguồn thu từ bán tín chỉ* được tính như sau.

- Lượng tín chỉ bình quân thu nhận 1 năm là:  $1.100.000 / 7 \text{ năm} = 157.143 \text{ CER/năm}$
- Giá CER bình quân là 5,8 USD/CER
- Giá trị nguồn thu từ bán CERs mỗi năm là:  
 $157,143 \text{ CERs} \times 5,8 \text{ USD/CER} = 911.429, 40 \text{ USD.} \quad (\text{A})$

*Các chi phí có thể có gồm :*

- (1) Phí thuê tư vấn để xây dựng dự án (24 tháng) : 120.000 USD
- (2) Phí trực tiếp cho hoạt động dự án mỗi năm : 5 USD/tấn x 2.100 tấn = 10.500 USD/năm ;
- (3) Phí tham vấn cộng đồng : 1.000 USD ;
- (4) Phí thẩm định dự án/kỳ tín dụng :10.000 USD ;
- (5) Phí thẩm tra : 12.000 USD ;
- (6) Phí đăng ký ban hành bởi cơ quan tiêu chuẩn : (0,1 USD x 15.000 CER) + 0,2 USD x (157.143 -15.000) CER = 29.928,60 USD;
- (7) Phí phát hành tín chỉ :  
 $2\% \times \text{số tiền tín chỉ được công nhận mỗi lần} = 2\% \times 157.143 \text{ CER} \times 5,8 \text{ USD/CER} = 18.228,59 \text{ USD} ;$
- (8) Phí cho công ty môi giới =  $10\% \times \text{số tiền thu được mỗi lần giao dịch} = 10\% \times 157.143 \text{ CER} \times 5,8 \text{ USD} = 91.142,94 \text{ USD}.$

Tổng hợp các phí nêu trên là: 292.800,13 USD

(B)

*Lợi tức thu được trước thuế mỗi năm của dự án :*

(A)- (B)= 911.429, 40 USD - 292.800,13 USD = 618.629,27 USD

## **4.2. Theo Tiêu chuẩn Vàng**

### **4.2.1. Các loại phí theo quy định của GS**

Quỹ Tiêu chuẩn Vàng tồn tại được nhờ vào các nhà tài trợ, các khoản trợ cấp và phí. Từ 01 tháng 8 năm 2009, các dự án mới áp dụng theo Tiêu chuẩn Vàng (GS) sẽ không còn phải trả một khoản phí cho mỗi tín chỉ được chứng nhận, nhưng thay vào đó sẽ phải trả một tỷ lệ phần trăm nhất định cho số tín chỉ được chứng nhận cho Quỹ GS là 1,5% đối với CER và 2% đối với VER. Cơ cấu chi phí này bắt chước cơ chế tài chính áp dụng sử dụng bởi UNFCCC cho quỹ thích ứng. Số tiền thu được này chuyển giao cho Quỹ GS. Quỹ GS hoạt động giữ độc lập dưới hình thức là một NGO phi lợi nhuận.

Theo biểu phí được GS công bố ngày 24/09/2015 (xem thêm trong: <http://www.goldstandard.org/sites/default/files/documents>), các khoản phí được tính như Bảng 4.1.

**Bảng 4.1: Biểu phí (USD) chi tiết cho dự án xây dựng theo Tiêu chuẩn Vàng (hiệu lực từ 24/09/2015)**

Loại phí	Phiên bản xây dựng dự án theo GS			
	Phiên bản 2.0 cho CER <sup>(*)</sup>	Phiên bản 2.0 cho VER <sup>(*)</sup>	Phiên bản 2.1 cho CER <sup>(**)</sup>	Phiên bản 2.1 cho VER <sup>(**)</sup>
Phí đăng ký	0,1 \$/tín chỉ	0,3 \$/tín chỉ	0	0
Phí phát hành	0,1 \$/tín chỉ	0,3 \$/tín chỉ	0	0
Chia sẻ tiến trình khấu trừ	1,5% tổng số tín chỉ được nhận	2% tổng số tín chỉ được nhận	1,5% tổng số tín chỉ được nhận	2% tổng số tín chỉ được nhận
Chia sẻ tiến trình đăng ký	0	0,05 \$/tín chỉ	0	0,05 \$/tín chỉ
Phí thẩm định	Dự án có lượng tín chỉ ≤ 5.000 tCO2/năm, mức phí là 5.000 \$			
	Dự án có lượng tín chỉ > 5.000 tCO2/năm, mức phí là 10.000 \$			
Phí thẩm tra dự án vi mô	Dự án có 1- 10,000 tCO2 một năm, mức phí là 2,500 USD/năm			
Thẩm định,	(1) Thẩm định chương trình 20.000 \$;			

thẩm tra nội bộ cho chương trình	(2) Nếu thẩm định từng phần thì phí cho lần thẩm định chương trình hoạt động (VPA) đệ trình đầu tiên là 2.500 \$ và được trả cùng với phí thẩm định chương trình ở mục (1)  (3) 2.500 \$ cho mỗi VPA đệ trình tiếp theo;  (4) Phí thẩm tra hàng năm cho mỗi VPA là 1.500 \$
Phí duy trì tài khoản	500 \$/năm tính từ ngày tài khoản được chấp nhận tới ngày cuối cùng của năm.
Đánh giá công cụ bổ sung (nếu có)	10.000 \$ và cộng thêm chi phí cho hai chuyên gia.
Thay đổi tài liệu thiết kế dự án (PDD)	0,10 \$/tín chỉ

*Ghi chú:*

(\*) Phí áp dụng cho dự án xây dựng theo phiên bản 2.2 là bằng với phí cho phiên bản 2.0.

(\*\*) Các phí quy định với phiên bản 2.1 có thể nâng mức áp dụng như phiên bản 2.2.

**4.2.2. Ví dụ minh họa tính toán lợi nhuận kinh tế**

Ví dụ: Một chương trình dự án khí sinh học quy mô hộ gia đình triển khai ở Việt Nam có các dữ liệu như sau:

- Tổng số công trình khí sinh học được xây dựng trong dự án GS VER là 100.000 công trình;
- Dự kiến sau khi PDD của dự án được phê duyệt thì mức giảm phát

thải của mỗi công trình là 5 tCO<sub>2e</sub>/năm;

- Chu kỳ tín chỉ của dự án là 7 năm
- Dự án được triển khai từ cấp Trung ương đến địa phương với số tỉnh tham gia là 25 tỉnh;

Hoạt động bộ máy của dự án gồm: tập huấn cho hộ dân, xây dựng, giám sát chất lượng, và nghiệm thu công trình. Trung bình chi phí cho các hoạt động này là 60 \$/công trình/năm.

*Các chi phí phải trả cho tổ chức GS* từ khi xây dựng đến khi nhận được tín chỉ các bon

Giả thiết dự án xây dựng theo phiên bản 2.0 của GS, căn cứ vào Bảng 5.1 ta có,

- (1) Phí đăng ký:  $0,3 \text{ USD/tín chỉ} \times 5 \text{ VER/công trình} \times 100.000 \text{ công trình} = 150.000 \text{ USD};$
- (2) Phí phát hành:  $0,3 \text{ USD/tín chỉ} \times 5 \text{ VER/công trình} \times 100.000 \text{ công trình} = 150.000 \text{ USD};$
- (3) Chia sẻ khấu trừ:  $2\% \times 5 \text{ VER/công trình} \times 100.000 \text{ công trình} = 10.000 \text{ USD};$
- (4) Chia sẻ đăng ký:  $0,05 \text{ USD} \times 5 \text{ VER/công trình} \times 100.000 \text{ công trình} = 25.000 \text{ USD};$
- (5) Phí thẩm định chương trình: 20.000 USD;
- (6) Phí thẩm tra 1 năm: 1.500 USD;
- (7) Phí duy trì tài khoản ở GS: 500 USD/năm
- (8) Phí thay đổi PDD: 0 USD (do năm đầu tiên chỉ làm 1 PDD);

Tổng phí phải trả cho tổ chức GS từ (1) đến (8): 357.000 USD

(C)

*Các chi phí thuê ngoài có thể có*

- (9) Thuê tư vấn xây dựng dự án: 120.000 USD;
- (10) Tổ chức tham vấn cộng đồng lần 1 và lần 2: 2500 USD;

(11) Hợp đồng thẩm định chương trình với DOE: 10.000 USD;

(12) Hợp đồng thẩm tra chương trình với DOE: 12.000 USD;(13)  
Phí cho công ty môi giới để bán tín chỉ (10% tổng số tín chỉ bán ra):

$$10\% \times 5 \text{ VER/công trình} \times 100.000 \text{ công trình} = 50.000 \text{ USD.}$$

Tổng các phí thuê ngoài từ (9) đến (13): 194.500 USD

(D)

### *Nguồn thu từ bán tín chỉ*

Giả thiết giá bán tín chỉ là 4 USD/VER

Tổng số tiền thu được của chương trình 1 năm nếu bán hết tín chỉ:

$$4 \text{ USD/VER} \times 5 \text{ VER/công trình} \times 100.000 \text{ công trình} = 2.000.000 \text{ USD (E)}$$

Lợi nhuận trước thuế của chương trình là:

$$(E) - (C) - (D) = 2.000.000 - 357.000 - 194.500 = 1.448.500 \text{ (USD)}$$

Nguồn thu này còn có thể tăng thêm do chương trình có hoạt động xây mới nên những công trình này sẽ được gộp vào giai đoạn giám sát phát thải lần thứ hai. Điều này giúp chương trình sẽ nhận thêm tín chỉ VER từ kỳ giám sát đầu tiên đến kỳ giám sát cuối cùng trong chu kỳ tín chỉ 7 năm.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Chương trình hành động giảm thiểu khí nhà kính phù hợp với quốc gia (NAMA)

#### 1. NAMA và Cơ chế tạo tín chỉ các bon

NAMA viết tắt của từ Nationally Appropriate Mitigation Action – Hành động giảm nhẹ KNK phù hợp với điều kiện quốc gia. Đây là hành động (dưới dạng những chính sách, chiến lược, chương trình hoặc dự án) tự nguyện thực hiện bởi các nước đang phát triển để đóng góp vào nỗ lực toàn cầu nhằm giảm phát thải KNK.

Trên thực tế, mối quan hệ giữa NAMA và các thị trường các bon vẫn còn chưa được xác định và gây tranh cãi trên thế giới. Cả NAMA và các cơ chế tạo tín chỉ các bon như CDM hay VGS, VCS đều là những hành động giảm nhẹ phát thải KNK được tiến hành song song. Tuy nhiên, quy mô hay phạm vi tác động của NAMA và các thị trường các bon cũng khác nhau nên khó có thể so sánh. Nếu thị trường các bon tiếp cận dưới góc độ các dự án hoặc chương trình giảm phát thải KNK, thì NAMA không giới hạn phạm vi tác động, có thể là dự án, chương trình hoặc một chính sách tổng thể của một ngành/lĩnh vực cụ thể. Trong trường hợp của Việt Nam, NAMA được đề xuất theo từng lĩnh vực như năng lượng, công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp và quản lý chất thải. Các NAMA này không chỉ dừng lại ở các dự án góp phần giảm phát thải KNK trực tiếp, mà còn bao gồm các hoạt động gián tiếp khác như: tăng cường năng lực, hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng các kịch bản cơ sở, kịch bản giảm phát thải, hình thành hệ thống MRV.

Tuy nhiên, khi nhắc tới thị trường các bon hay các cơ chế tín chỉ các bon, khái niệm về NAMA vẫn đôi khi được nêu ra bởi sự xuất hiện của khái niệm “NAMA tạo tín chỉ” (credited NAMA). Khái niệm mới này chưa từng được đưa ra để thảo luận hay sử dụng trong bất kỳ tài liệu chính thức nào của UNFCCC. Khái niệm này xuất phát từ những



gợi ý đề xuất của một số nước như Hàn Quốc, Costa Rica, Colombia, Peru... liên quan đến việc đưa hệ thống tạo tín chỉ từ NAMA thành cơ chế thị trường trong tương lai hoặc lấy nguồn vốn từ thị trường liên quan đến môi trường để hỗ trợ tài chính cho NAMA. Tại Việt Nam, NAMA tạo tín chỉ các bon mới dừng ở mức thí điểm và được triển khai trong Dự án Chuẩn bị sẵn sàng xây dựng thị trường các bon tại Việt Nam vừa mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập Ban chỉ đạo vào ngày 09/08/2016 theo quyết định số 1806/QĐ-BTNMT

Để thuận tiện cho việc tiếp cận các kiến thức có liên quan đến thị trường tín chỉ các bon, chúng tôi xin giới thiệu những nét khái quát về NAMA với tư cách là một hành động giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện của quốc gia và là một cánh cửa gợi mở cho một cơ chế tạo tín chỉ các bon mới.

## 2. NAMA và lịch sử ra đời

NAMA lần đầu tiên được nêu ra tại Kế hoạch hành động Bali (Bali Action Plan) năm 2007 và tiếp tục được đàm phán ở các hội nghị tiếp theo của UNFCCC.

Mục đích của NAMA là hỗ trợ các nước đang phát triển giảm nhẹ KNK đến mức thấp hơn so với mức phát thải theo kịch bản phát triển bình thường (business as usual-BAU), tuy nhiên đây không phải là một nghĩa vụ pháp lý trong UNFCCC, mà dựa trên cơ sở tự nguyện. Xác định những hành động của một NAMA là quyền của mỗi nước để phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước đó. Do đó, NAMA cần lấy bối cảnh và năng lực quốc gia để xem xét. Phạm vi NAMA của mỗi quốc gia cũng vì thế mà khác nhau từ tập hợp các hành động cụ thể đến mục tiêu giảm nhẹ của quốc gia.

NAMA cũng có thể được xây dựng theo cách tiếp cận từ dưới lên, có nghĩa là quá trình xây dựng và thực hiện NAMA sẽ quay lại giúp tăng cường sự hiểu biết về NAMA, góp phần cung cấp một khái niệm chính xác hơn về NAMA. Có thể hiểu rằng NAMA không phải chỉ dừng lại ở cấp dự án như CDM mà còn giúp cơ cấu lại nền kinh tế - xã hội hướng tới đạt đồng thời hai mục tiêu là giảm nhẹ phát thải KNK và phát triển bền vững (Theo Roeser và NNK, 2011).

Hiện nay, hầu hết các đề xuất NAMA đệ trình lên UNFCCC trình bày mục tiêu giảm nhẹ KNK trong một lĩnh vực cụ thể thông qua các biện pháp giảm nhẹ nhất định.

### 3. Phân loại NAMA

#### *Theo cách tiếp cận*

Có thể phân loại NAMA thành bốn loại:

- (1) Liên quan đến mục tiêu giảm nhẹ KNK (Ví dụ: Mục tiêu của Mexico là giảm 30% lượng phát thải KNK so với kịch bản BAU vào năm 2020);
- (2) Liên quan đến việc xây dựng chiến lược (Ví dụ: Chiến lược năng lượng mặt trời của Tunisia);
- (3) Liên quan đến các chính sách và giải pháp (Ví dụ: Quy định quản lý rừng của Sierra Leone);
- (4) Liên quan đến các hành động hoặc dự án cụ thể (Ví dụ: Dự án năng lượng mặt trời quy mô lớn của Mông Cổ).

Ba hình thức đầu tiên có thể coi là “NAMA gián tiếp” do không trực tiếp giảm nhẹ KNK, nhưng lại tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giảm nhẹ.

#### *Theo hình thức huy động vốn*

Theo cách này NAMA có thể được phân chia làm ba loại:

- (1) NAMA đơn phương (unilateral NAMA): Các nước đang phát triển thực hiện các hoạt động giảm nhẹ KNK mà không có sự hỗ trợ của quốc tế;
- (2) NAMA được hỗ trợ (supported NAMA): Các nước đang phát triển thực hiện các hoạt động giảm nhẹ KNK với sự hỗ trợ từ các nước phát triển thông qua hợp tác song phương, đa phương hoặc Quỹ khí hậu xanh;
- (3) NAMA tạo tín chỉ (credited NAMA): Hiện nay, việc đưa tín chỉ NAMA vào trong cơ chế thị trường vẫn còn đang được thảo luận.

The một vài đề xuất, nếu kết quả của các hoạt động giảm nhẹ KNK của các nước đang phát triển là đáng kể, vượt quá mục tiêu giảm nhẹ KNK quốc gia, thì các nước này có thể chuyển thành tín chỉ các bon và bán trên thị trường.

### *Theo mức độ phức tạp*

NAMA có hai loại:

- (1) NAMA riêng rẽ (như giảm nhẹ KNK cho một thành phố, tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng cho một nhà máy, bệnh viện);
- (2) NAMA thực hiện cho nhiều ngành hoặc cho cả quốc gia.

## **4. Các tiêu chí xây dựng đề xuất NAMA**

Hiện nay vẫn chưa có tiêu chí cụ thể về một NAMA hiệu quả vì ngay cả cách hiểu về NAMA cũng còn rất khác nhau. Việc xây dựng đề xuất NAMA sẽ phụ thuộc vào mục đích và các tiêu chí mà các nhà tài trợ đưa ra. Một trong những tiêu chí quan trọng nhất mà các loại hình NAMA đều hướng đến đó là đảm bảo phát triển bền vững. Bên cạnh những đóng góp về giảm phát thải KNK, các NAMA còn cần đảm bảo được các đồng lợi ích khác về kinh tế, xã hội và môi trường. Một tiêu chí quan trọng khác cần chú ý khi xây dựng đề xuất NAMA đó là tính chuyển đổi. Theo đó, các NAMA cần có phạm vi, quy mô đủ lớn và tầm nhìn đủ rộng để có thể chuyển đổi một lĩnh vực là nguồn phát thải chính theo hướng phát thải thấp. Tùy vào nhà tài trợ, các tiêu chí khác có thể được đặt ra, ví dụ: các tiêu chí về tính hiệu quả, về Kế hoạch thực hiện, về Kế hoạch tài chính.

Một đặc điểm chung của NAMA là sự tham gia của khu vực nhà nước. NAMA cần phải bao gồm các chính sách để xây dựng các khung pháp lý hỗ trợ thực hiện các hoạt động giảm nhẹ và định hướng lại sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng các bon thấp (GIZ, *Đánh giá thực hiện NAMA tại Việt Nam*, 2012).

Dưới đây là ví dụ về một số tiêu chí xây dựng đề xuất NAMA

<b>Tiêu chí về tính hiệu quả</b>	<b>Tiêu chí về Kế hoạch thực hiện</b>	<b>Tiêu chí về Kế hoạch tài chính</b>
----------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

<b>Tiêu chí về tính hiệu quả</b>	<b>Tiêu chí về Kế hoạch thực hiện</b>	<b>Tiêu chí về Kế hoạch tài chính</b>
Mức giảm phát thải khí nhà kính	Mô tả về NAMA (phạm vi và quy mô rõ ràng của hành động)	Ngân sách nhà nước (với sự đóng góp của quốc gia)
Các đồng lợi ích khác	Tích hợp vào các kế hoạch phát triển ngành (các ưu tiên dài hạn)	Tác dụng của nguồn tài trợ quốc tế (đóng vai trò như đòn bẩy khuyến khích các hoạt động giảm nhẹ)
Tính bền vững/khả năng nhân rộng (lợi ích lâu dài, hỗ trợ cho hành động sau này)	Có sự hỗ trợ từ chính sách, sự tham gia của chính phủ và các bên liên quan	Thúc đẩy đầu tư tư nhân (nguồn đầu tư chính cho các hoạt động giảm nhẹ)
Kế hoạch thực hiện MRV (Measurement, Reporting and Verification)	Năng lực thực hiện (sự phối hợp giữa các cơ quan, sự tham gia các bên liên quan)	Tránh trùng lặp các nỗ lực/tài trợ (tránh trùng lặp với các dự án (ví dụ CDM))
		Giảm thiểu rủi ro

### **5. Các bước xây dựng và thực hiện NAMA ở Việt Nam**

Khung xây dựng và thực hiện NAMA do Việt Nam đề xuất gồm

hai giai đoạn chính: (i) Giai đoạn xây dựng và đề xuất NAMA và (ii) Giai đoạn thực hiện NAMA và tiến hành MRV. Các bước này được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Các bước	Giai đoạn	Nội dung công việc	Ghi chú
Bước 1	Giai đoạn 1: xây dựng và đề xuất NAMA	Xây dựng và đánh giá các phương án giảm nhẹ	Tóm lược thông tin về NAMA
Bước 2		Ưu tiên và lựa chọn NAMA	Danh sách thu gọn các NAMA
Bước 3		Chuẩn bị đề cương tổng hợp	Ý tưởng của NAMA, các mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn
Bước 4		Xây dựng đề cương chi tiết	Nêu phương pháp luận được sử dụng để xác định đường cơ sở.
Bước 5		Tìm nguồn tài trợ cho NAMA	
Bước 6	Giai đoạn 2	Giai đoạn thực hiện NAMA và MRV	Lập các báo cáo giám sát, báo cáo thẩm tra

*Nguồn: Tổng hợp từ khung xây dựng NAMA của Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng của Hà Lan (2011) và của Tổ chức Hợp tác quốc tế về phát triển bền vững Đức (2012)*

Nguồn: Tổng hợp từ khung xây dựng NAMA của Trung tâm Nghiên

cứu Năng lượng của Hà Lan (2011) và của Tổ chức Hợp tác quốc tế về phát triển bền vững Đức (2012) và tiến hành MRV định hướng lại sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng các bon thấp (GIZ, c l hông số chính cần thiết được định lượng của hệ thống MRV bao gồm: Lượng phát thải KNK của quốc gia, tiếp nhận hỗ trợ (tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ) để đạt lượng giảm phát thải KNK từ NAMA.

## **Phụ lục 2: Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định- INDC**

### **1. Các hoạt động giảm nhẹ KNK trong khuôn khổ UNFCC**

Trước năm 2020, NAMA được xem là công cụ giúp các nước đang phát triển thực hiện việc giảm nhẹ KNK mang tính chất tự nguyện. Tuy nhiên, giai đoạn sau 2020, tất cả các quốc gia đều có nghĩa vụ giảm nhẹ phát thải KNK thông qua INDC

Giai đoạn	1992-1997	1997-2010	2010-2020	Sau năm 2020
Các nước thuộc Phụ lục 1	Hạn chế phát thải KNK	Mục tiêu giảm phát thải cho toàn bộ nền kinh tế		INDC/NDC
Các nước không thuộc Phụ lục 1	Thực hiện các giải pháp giảm nhẹ KNK thông qua CDM		Các NAMA	INDC/NDC

Hiện nay, vẫn chưa có hướng dẫn hoặc thông báo chính thức nào của UNFCCC về mối quan hệ giữa NAMA và INDC, cũng như giữa các cơ chế tạo tín chỉ các bon với 2 hoạt động giảm nhẹ KNK. Tuy nhiên, một vài tổ chức như GIZ lý giải NAMA như một công cụ thông qua INDC để thực hiện các mục tiêu giảm nhẹ KNK trong các chiến lược dài hạn của quốc gia. Lý giải về mối quan hệ giữa NAMA với các cơ chế thị trường tạo tín chỉ các bon có thể tham khảo trong Phụ lục 1.

## 2. Quá trình phát triển INDC

Trong quá trình đàm phán một thoả thuận quốc tế mới về biến đổi khí hậu cho giai đoạn cam kết lần thứ 2 của Nghị định thư Kyoto (từ 2013 đến 2020), COP 19 tại Ba Lan năm 2013 đã kêu gọi tất cả các bên xây dựng “Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định” (INDC – Intended Nationally Determined Contributions). Tuy đã được đề cập tại COP 15 (2009), nhưng mãi đến COP 19 (2013), các bên mới quyết định (1/CP.19): “Kêu gọi tất cả các bên bắt đầu hoặc đẩy mạnh quá trình chuẩn bị cho Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định” và “Các bên sẽ đệ trình INDC trước COP 21 nhằm tạo điều kiện cho sự rõ ràng, minh bạch về những đóng góp được xác định”. Mặc dù ở thời điểm đó UNFCCC vẫn chưa có hướng dẫn rõ ràng về phạm vi INDC, các quốc gia đều hiểu rằng INDC sẽ bao gồm mục tiêu giảm nhẹ của quốc gia nhằm vào sự “ổn định nồng độ KNK trong khí

quyền ở mức có thể ngăn ngừa được sự thay đổi nguy hiểm đến hệ thống khí hậu” (điều 2, UNFCCC).

COP 20 (2014) đã có bước tiến mới khi xác định INDC là nghĩa vụ của các bên (bao gồm cả các nước đang phát triển) theo nguyên tắc trách nhiệm chung nhưng có phân biệt và tùy thuộc vào năng lực và hoàn cảnh quốc gia. Theo đó, rất nhiều nước đã nỗ lực xây dựng INDC để trình lên UNFCCC trước COP21. Tại Việt Nam, INDC được triển khai xây dựng từ tháng 8/2014 và đến ngày 30/09/2015, Báo cáo đã được hoàn thiện gửi cho Ban thư ký UNFCCC trước thời hạn 1/10/2015.

COP 21 diễn ra từ ngày 30/11 đến 11/12/2015 tại Paris đánh dấu một cột mốc quan trọng trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu khi Thỏa thuận chống biến đổi khí hậu toàn cầu – Thỏa thuận Paris được thông qua. Lần đầu tiên trong lịch sử, tất cả 196 bên tham gia UNFCCC đã đi đến thỏa thuận buộc tất cả các nước, trong đó có những nước không thuộc Phụ lục 1 như Việt Nam, cắt giảm lượng phát thải khí KNK. Mục tiêu quan trọng nhất của Thỏa thuận này là giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu trong thế kỷ này dưới 2°C và tiếp tục cùng thúc đẩy nỗ lực để xuống còn 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp. Ngoài ra, INDC mà các nước đã nộp ngay trước COP21 sẽ trở thành Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC) ngay khi quốc gia đó phê chuẩn thỏa thuận này. Theo các điều khoản trong Thỏa thuận Paris, các nước cũng được yêu cầu nộp NDC cập nhật 5 năm một lần.

### 3. INDC của Việt Nam

INDC của Việt Nam gồm hợp phần giảm nhẹ phát thải KNK và hợp phần thích ứng với BĐKH. Hợp phần giảm nhẹ phát thải KNK bao gồm các đóng góp vô điều kiện (thực hiện bằng nguồn lực trong nước) và đóng góp có điều kiện (thực hiện nếu nhận được nguồn hỗ trợ tài chính mới và bổ sung, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực từ quốc tế).

INDC của Việt Nam xác định lộ trình giảm nhẹ phát thải KNK trong giai đoạn 2021-2030. Bằng nguồn lực trong nước, đến năm 2030 sẽ giảm 8% lượng phát thải KNK so với Kịch bản phát triển thông



thường (BAU). Đóng góp nêu trên có thể tăng lên thành 25% nếu nhận được hỗ trợ quốc tế.

Sau COP21, Việt Nam đã tiến hành xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện INDC. Theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và điều phối của Bộ TN&MT, các Bộ đã rà soát và xây dựng kế hoạch thực hiện INDC đối với các lĩnh vực thuộc ngành. Bộ NN&PTNT cũng đã ra Hướng dẫn Xây dựng kế hoạch triển khai đóng góp dự kiến quốc gia (kèm theo văn bản số 3416/CV-BNN-KNCN ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ NN&PTNT). Trong đó, đáng chú ý có phương án phát triển thêm 500.000 hầm khí sinh học trong giai đoạn từ 2021-2030 nhằm giảm ước tính 3,2 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương; góp phần vào mục tiêu cắt giảm 8% theo phương án tự thực hiện.

**Phụ lục 3: Danh sách các dự án khí sinh học từ chất thải chăn nuôi và nước thải tại Việt Nam đăng ký thành công giảm phát thải các bon tính đến hết tháng 12/2015**

TT	Tên dự án	Địa phương dự án/đơn vị thực hiện
1	Dự án biogas nông hộ góp phần phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ	TP. Cần Thơ
2	Tạo năng lượng từ chất thải chăn nuôi của Công ty SURE tại tỉnh Bình Dương,	Tỉnh Bình Dương
3	Dự án Chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi Việt Nam (BP)	Cục Chăn Nuôi - Bộ NN & PTNT

*Nguồn.* (1) <http://cdm.unfccc.int/Projects/projsearch.html>

(2) <https://mer.markit.com/br-reg/public/>

**Phụ lục 4: Danh sách các dự án khí sinh học từ chất thải nhà máy tinh bột sắn tại Việt Nam đăng ký thành công giảm phát thải các bon tính đến hết tháng 12/2015**

TT	Tên dự án	Địa phương/đơn vị thực hiện
1	Thu hồi khí mêtan và sử dụng khí biogas tại nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đắk Tô của APFCO	Tỉnh Kon Tum
2	Thu hồi và tận dụng biogas tại tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Công ty TNHH Miwon Vietnam

3	Thu hồi khí mêtan và sử dụng biogas tại Nhà máy sản xuất tinh bột mì Sơn Hải- Sơn Hà và Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân thuộc Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi (APFFCO), Việt Nam	Tỉnh Quảng Ngãi, đối tác là Công ty Ecotawa- Thụy Sĩ
4	Trích và sử dụng khí sinh học từ nước thải sản xuất tinh bột sắn tại Công ty Quảng Ngãi APFCO, tỉnh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi, đối tác là tập đoàn Sumitomo-Nhật Bản
5	Thu hồi và tận dụng khí mêtan của Công ty TNHH Đại Việt	Tỉnh Đắk Nông
6	Trích và sử dụng khí sinh học từ nước thải sản xuất tinh bột sắn tại Vedan, Bình Phước	Tỉnh Bình Phước
7	VN08-WWS-03, Thu hồi khí mêtan trong hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy chế biến tinh bột sắn Yên Bình	Tỉnh Yên Bái
8	VN08-WWS-05, Thu hồi khí mêtan trong hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy chế biến tinh bột sắn Hướng Hóa	Tỉnh Quảng Trị
9	VN08-WWS-04, Thu hồi khí mêtan trong hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy chế biến tinh bột sắn xuất khẩu Lào Cai	Tỉnh Lào Cai
10	Xử lý nước thải bằng phương pháp kỵ	Tỉnh Tây Ninh

	khí tại nhà máy chế biến tinh bột sắn Việt Mã	
11	Xử lý nước thải bằng phương pháp kỵ khí tại nhà máy chế biến tinh bột sắn Trường Thịnh	Tỉnh Tây Ninh
12	AVN08-S-01, Thu hồi khí mê tan trong hệ thống xử lý nước thải, tỉnh Nghệ An,	Tỉnh Nghệ An
13	AVN08-S-02, Thu hồi khí mê tan trong hệ thống xử lý nước thải, tỉnh Nghệ An.	Tỉnh Nghệ An
14	Thu hồi khí mê tan và sử dụng biogas tại nhà máy tinh bột sắn của công ty DAKFOCAM,	Tỉnh Đắk Lắk
15	Xử lý nước thải và thu hồi mê tan để phát triển điện tại Nhà máy Cồn nhiên liệu Đồng Xanh	Tỉnh Quảng Nam
16	Xử lý nước thải và thu hồi mê tan TV Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk
17	Thu hồi và sử dụng khí biogas Rhodia Nước Trong	Tỉnh Tây Ninh
18	Thu hồi và sử dụng khí sinh học tại nhà máy cồn Tùng Lâm	Tỉnh Đồng Nai
19	Thu hồi và tận dụng khí mê tan của Công ty CP Nhiên liệu sinh học Dầu	Tỉnh Quảng Ngãi

	khí Miền Trung	
20	Thu hồi và tận dụng khí mêtan của Công ty CP Hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí	Tỉnh Phú Thọ

*Nguồn:* <http://cdm.unfccc.int/Projects/projsearch.html>

**Phụ lục 5: Danh sách các dự án khí sinh học từ chất thải bãi rác tại Việt Nam đăng ký thành công giảm phát thải các bon tính đến hết tháng 12/2015**

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa phương/đơn vị thực hiện</b>
1	Thu hồi và sử dụng khí thải từ các bãi rác Nam Sơn, Tây Mỗ tại Hà Nội	Thành phố Hà Nội
2	Tái chế năng lượng tại bãi chôn lấp Phước Hiệp 1- nhà máy xử lý rác Củ chi	TP. Hồ Chí Minh
3	Tái chế năng lượng tại bãi chôn lấp Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh
5	Thu hồi khí sinh học từ xử lý rác sinh hoạt bằng bãi chôn lấp Đa Phước	TP. Hồ Chí Minh
6	Tránh phát thải khí mêtan thông qua composting hiếu khí tại Nhà máy xử lý rác Tân Thành	Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
7	Thu hồi khí sinh học từ bãi rác chôn lấp vệ sinh Phước Hiệp 1	TP. Hồ Chí Minh

*Nguồn:* <http://cdm.unfccc.int/Projects/projsearch.html>

**Phụ lục 6: Danh sách một số công ty tư vấn về tín chỉ các bon tại Việt Nam**

<b>TT</b>	<b>Tên công ty/doanh nghiệp làm tư vấn về tín chỉ các bon</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và môi trường (VNEEC)	Tầng 6, Tòa nhà Lạc Hồng, ngõ 85, đường Lê Văn Lương, Hà Nội.  Tel: 04.3.557.9753  Fax: 04.355.79755
2	Công ty TNHH Đầu tư Các bon Việt Nam	Tầng 5, số 59A Lý Thái Tổ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	Công ty cổ phần Năng lượng và môi trường RCEE	Phòng 402, Khách sạn Hacinco, số 110 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội  Tel: 04.3.786.8592  Fax: 04.3.786.8593

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc (IPCC), *báo cáo đánh giá lần thứ năm (AR5)-tháng, 11/2014.*
2. Bộ Tài Nguyên Môi Trường, *Thông tư Số: 17/2015/TT-BTNMT, ngày 06/04/2015*
3. Ban chỉ đạo thực hiện UNFCCC và Nghị định thư Kyoto, *Thông tin tóm tắt về Cơ chế phát triển sạch và thị trường các bon quốc tế 2012*
4. European Commission, *Carbon Market report 2015, Annex 1, 18.11.2015*
5. Ecosystem Marketplace, *State of carbon voluntary market 2015, June 2015*
6. Fischhoff, Baruch (ngày 7 tháng 5 năm 2009). “*Putting a Price on Carbon: An Emissions Cap or a Tax*”
7. World Bank, “[World Development Report 2010: Development and Climate Change](#)”

8. Worldbank Group, *State and trend of Carbon pricing 2015*, September 2015
9. Ecosystem Marketplace, *State of carbon voluntary market 2015*, June 2015
10. Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng của Hà Lan, *Khung xây dựng NAMA*, 2011
11. Tổ chức Hợp tác quốc tế về phát triển bền vững Đức, *Đề xuất khung xây dựng NAMA*, 2012
12. GIZ, *Đánh giá thực hiện NAMA tại Việt Nam*, 2012
13. NOCOP, *Nghị định thư Kyoto, Cơ chế phát triển sạch và Vận hội mới*, tháng 04 2005
14. Các website tham khảo

<http://cdm.unfccc.int/>

<https://www.thepmr.org/>

<http://www.goldstandard.org/>

<http://www.thesouthpolegroup.com/gold-standard-and-other-stakeholder-consultations>

<http://www.worldbank.org/>

---



# THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC BON TRONG LĨNH VỰC KHÍ SINH HỌC

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**Võ Thị Kim Thanh**

Biên tập: **Mai Thị Thanh Hằng**

Trình bày bìa: **Công ty cổ phần In Sao Việt**

## **NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG**

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội

Điện thoại: 04 38515380; Fax: 04 38515381

Email: [info@nxblaodong.com.vn](mailto:info@nxblaodong.com.vn)

Website: [www.nxblaodong.com.vn](http://www.nxblaodong.com.vn)

### **Chi nhánh phía Nam**

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

ĐT: 08 38390970; Fax: 08 39257205

### **LIÊN KẾT XUẤT BẢN**

#### **Công ty cổ phần in Sao Việt**

ĐC: 9/40 Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà  
Nội - Điện thoại: (04) 3557 4088 - Fax: (04) 3557 4089

---

In 2.400 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty cổ phần in Sao Việt.  
Đăng ký KHXB số 1093-2016/CXBIPH/01-77/LĐ, ngày 15 tháng

04 năm 2016. Quyết định xuất bản số 434/QĐ-NXBLĐ. ISBN: 978-604-59-6189-6. In xong và nộp lưu chiểu quý ...../2016.